



NAVICO
NAM VIET CORPORATION



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2018

ĐẦU TƯ HIỆN TẠI
HOẠCH ĐỊNH TƯƠNG LAI

**ĐẦU TƯ HIỆN TẠI
HOẠCH ĐỊNH TƯƠNG LAI**





THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH

Kính gửi quý cổ đông,

Trải qua bao nhiêu thời gian thăng trầm, bao nhiêu năm chúng ta vun vén, chăm sóc cho Navico thì đến nay hoa cũng đã nở, Navico đã chính thức hoàn thành nền móng vững chắc để đón những quả ngọt sắp tới mà chúng ta mong đợi bấy lâu nay.

Năm 2018, Nam Việt là một trong ba doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam với doanh thu thuần tăng 40%; lợi nhuận sau thuế tăng 320% so với năm 2017. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) đạt 4.811 đồng/cổ phiếu.

Các thị trường Navico đang chiếm giữ vẫn đang hợp tác theo chiều hướng tốt, hình thành nên mối quan hệ bền vững. Các thị trường Navico đang muốn thâm nhập như Mỹ và Trung Quốc đang trên đà phản hồi tích cực. Lộ trình từ năm nay đến 2021, chúng ta sẽ hoàn thành kế hoạch trở lại thị trường Mỹ. Năm 2018, chúng ta đã đặt nền móng cần thiết để phát triển thị trường Trung Quốc, năm nay sẽ là năm chúng ta xây dựng và phát triển thị trường này một cách mạnh mẽ.

Navico cũng đã khởi công siêu dự án "Khu nuôi trồng thủy sản công nghệ cao Bình Phú", là vùng nuôi cá tra quy mô tập trung lớn nhất Việt Nam. Định hướng phát triển con cá giống khỏe và cung cấp lượng cá thịt bền vững cho riêng Navico và

ngành cá tra xuất khẩu nói chung đã đi vào luồng hoạt động. Lộ trình hãy còn gian nan nhưng anh em công nhân, cán bộ nhân viên chúng ta đều hăng say, nhiệt huyết làm việc ngày đêm không ngừng nghỉ, mong đợi ngày hoàn thành mục tiêu sắp tới.

Hoạt động trên thị trường chứng khoán của ANV cũng đang rất khả quan. Năm 2019 kỳ vọng cổ phiếu ANV sẽ phản ánh đúng giá trị của mình, tỷ lệ thuận với sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Navico.

Thay mặt toàn thể cán bộ nhân viên công ty, tôi xin chân thành cảm ơn quý cổ đông đã và đang đồng hành cùng Navico trong suốt hành trình phát triển công ty. Tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình để tạo ra giá trị tốt nhất, xứng đáng với kỳ vọng của quý cổ đông.

Chủ tịch

TIÊU ĐIỂM NĂM 2018

Kết quả kinh doanh

+40% YOY



4.118

Doanh thu (tỷ đồng)

Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



604,2
+320% YOY



Tiêu điểm



Top 3
Doanh nghiệp xuất
khẩu cá tra Việt Nam



Năm kỷ lục
Doanh thu và lợi nhuận
cao nhất trong lịch sử
công ty



Thâm nhập
thành công vào
thị trường Trung
Quốc

xuất khẩu đến



70
QUỐC GIA

600ha
Đầu tư vào tương lai
Vùng nuôi cá Tra
công nghệ cao

21 vùng nuôi cá với tổng
diện tích mặt nước đạt

250ha

TÂM NHÌN

Trở thành thương hiệu uy tín hàng đầu **Thế Giới** trong lĩnh vực **nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu cá tra**

1

SỨ MỆNH

Mang giá trị dinh dưỡng của sản phẩm cá tra Việt Nam đi khắp thế giới

2

MỤC TIÊU

Hướng tới sự phát triển bền vững, đi đầu về “Uy tín - chất lượng - sản phẩm sạch - ưu tiên sức khỏe người tiêu dùng”

3



MỤC LỤC

2

Thông tin về công ty

- 16 Quá trình hình thành và phát triển
- 18 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính
- 20 Các sản phẩm chính
- 22 Thông tin về mô hình quản trị, Tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 24 Các công ty con, công ty liên kết
- 26 Định hướng và phát triển
- 28 Các nhân tố rủi ro

5

Đánh giá của hội đồng quản trị

- 60 Tình hình kinh tế, ngành sản xuất, xuất khẩu thủy sản năm 2018
- 62 Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ban giám đốc công ty

3

Tình hình hoạt động trong năm

- 32 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 34 Tình hình thực hiện chỉ tiêu các kế hoạch đã đề ra
- 36 Tổ chức và nhân sự
- 40 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 42 Tình hình tài chính
- 44 Tình hình hoạt động quan hệ nhà đầu tư
- 46 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 48 Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6

Báo cáo của ban kiểm soát

- 66 Hoạt động của ban kiểm soát
- 67 Giám sát hoạt động của HĐQT, ban điều hành công ty
- 68 Thẩm định báo cáo tài chính năm 2018
- 69 Phối hợp hoạt động giữa ban kiểm soát với HĐQT và ban điều hành công ty

1

12 Cơ cấu doanh thu

4

Báo cáo của ban giám đốc

- 52 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 54 Tình hình tài chính
- 56 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 56 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 57 Mục tiêu – chiến lược SXKD của Navico năm 2019

7

Báo cáo tài chính

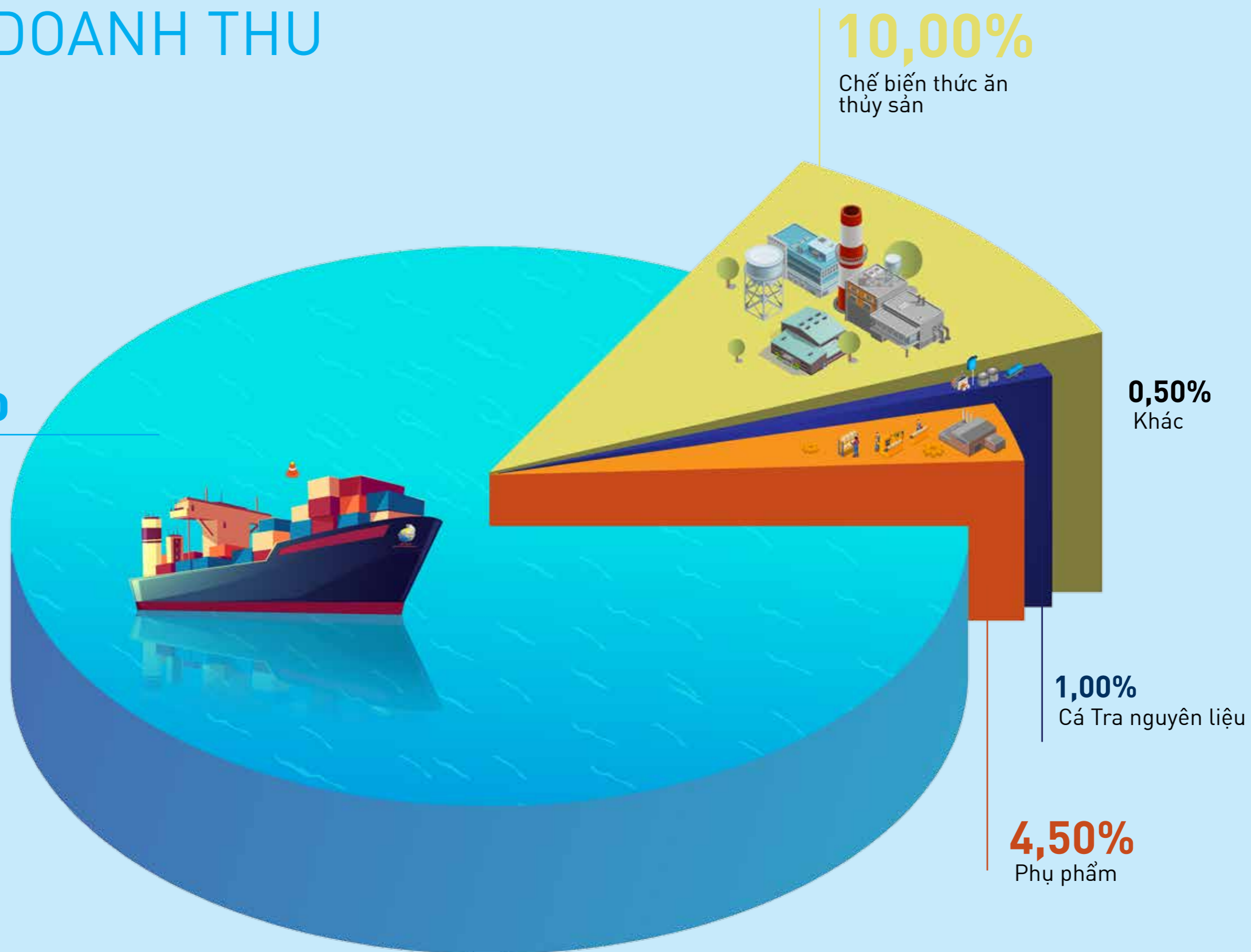
- 72 Báo cáo của hội đồng quản trị
- 75 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 76 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 80 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 81 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất



CƠ CẤU DOANH THU

84,00%

Xuất khẩu cá Tra



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Tên tiếng anh:

NAM VIET CORPORATION

Giấy CNĐKDN số:

1600168736

Số điện thoại:

(0296) 834 065 - (0296) 834 060

Vốn đầu tư của chủ sở hữu:

1.275.396.250.000 ĐỒNG

Số Fax:

(0296) 634 054 - (0296) 932 486

Vốn điều lệ:

1.275.396.250.000 ĐỒNG

Website:

WWW.NAVICORP.COM.VN

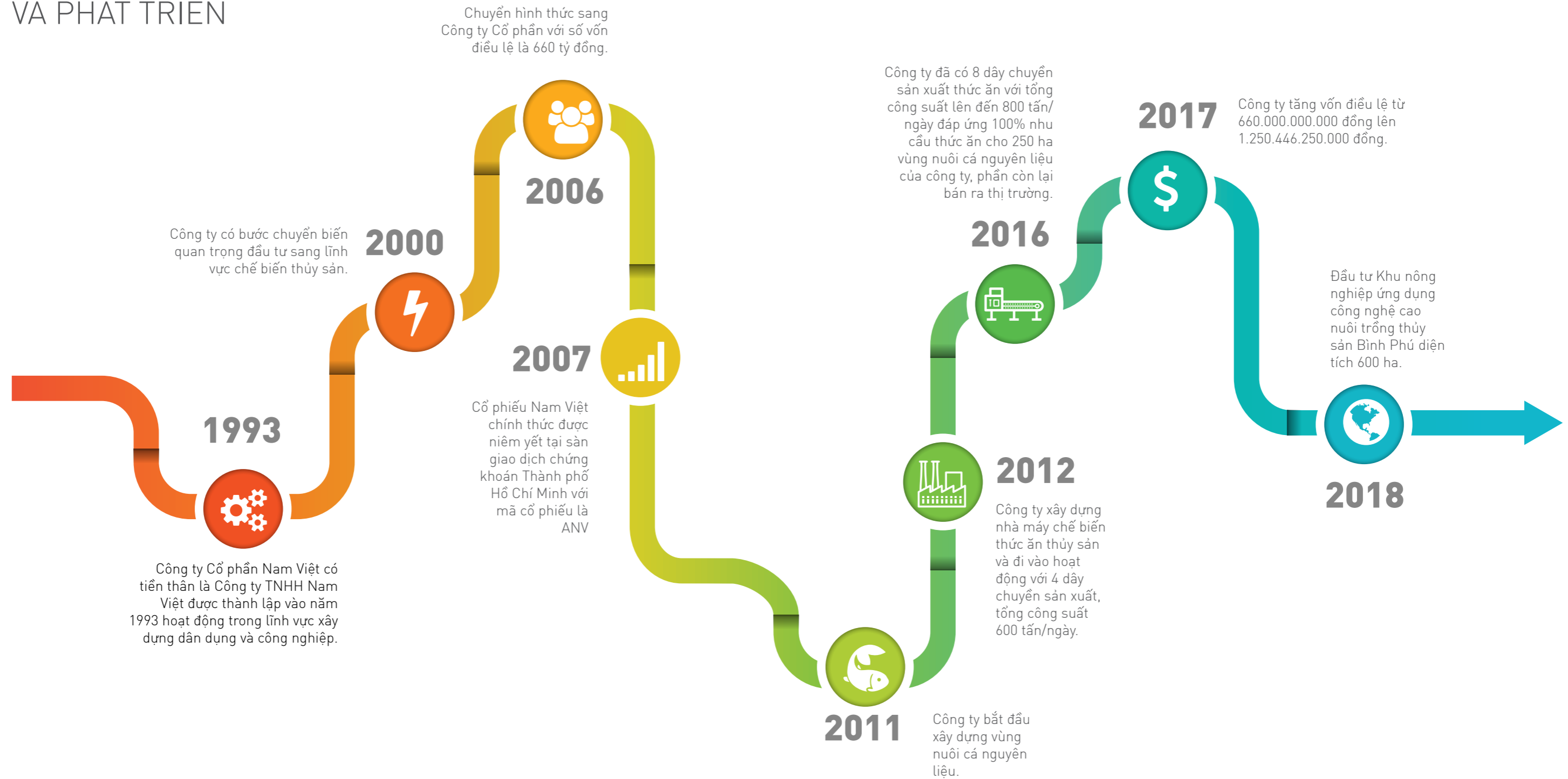
Địa chỉ:

**19D TRẦN HƯNG ĐẠO, PHƯỜNG MỸ QUÝ,
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, AN GIANG**

Mã cổ phiếu:

ANV

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Nuôi trồng thủy sản
Sản xuất chế biến thức ăn thủy sản
Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản
Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.

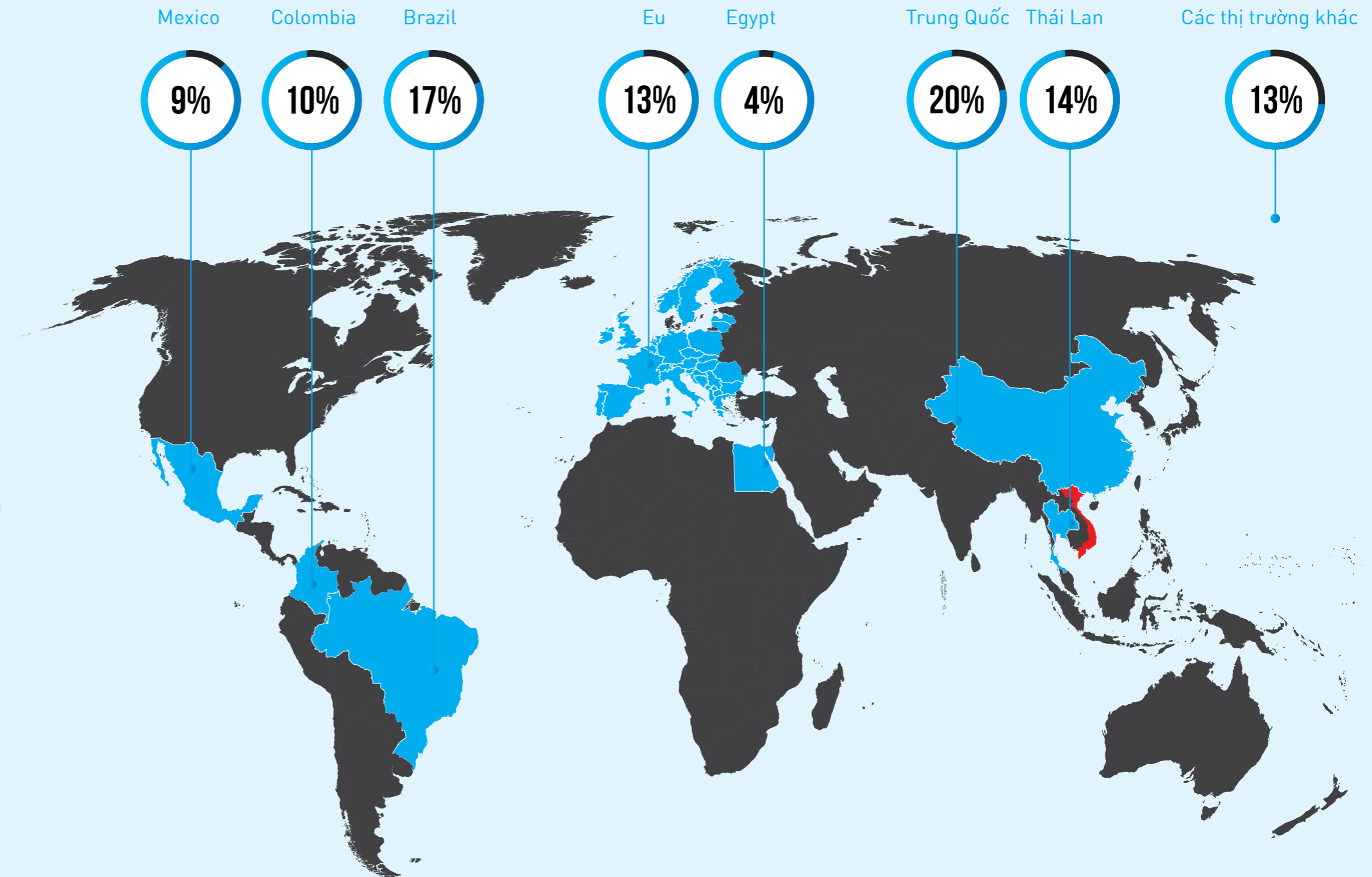
ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

Châu Mỹ
Mexico, Brazil,
Colombia

Châu Âu
Hà Lan, Italia,
Bỉ

Trung Đông
Ả Rập Saudi,
Kuwait

Châu Á
Trung Quốc,
Thái Lan, Malaysia



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CÁC SẢN PHẨM CHÍNH

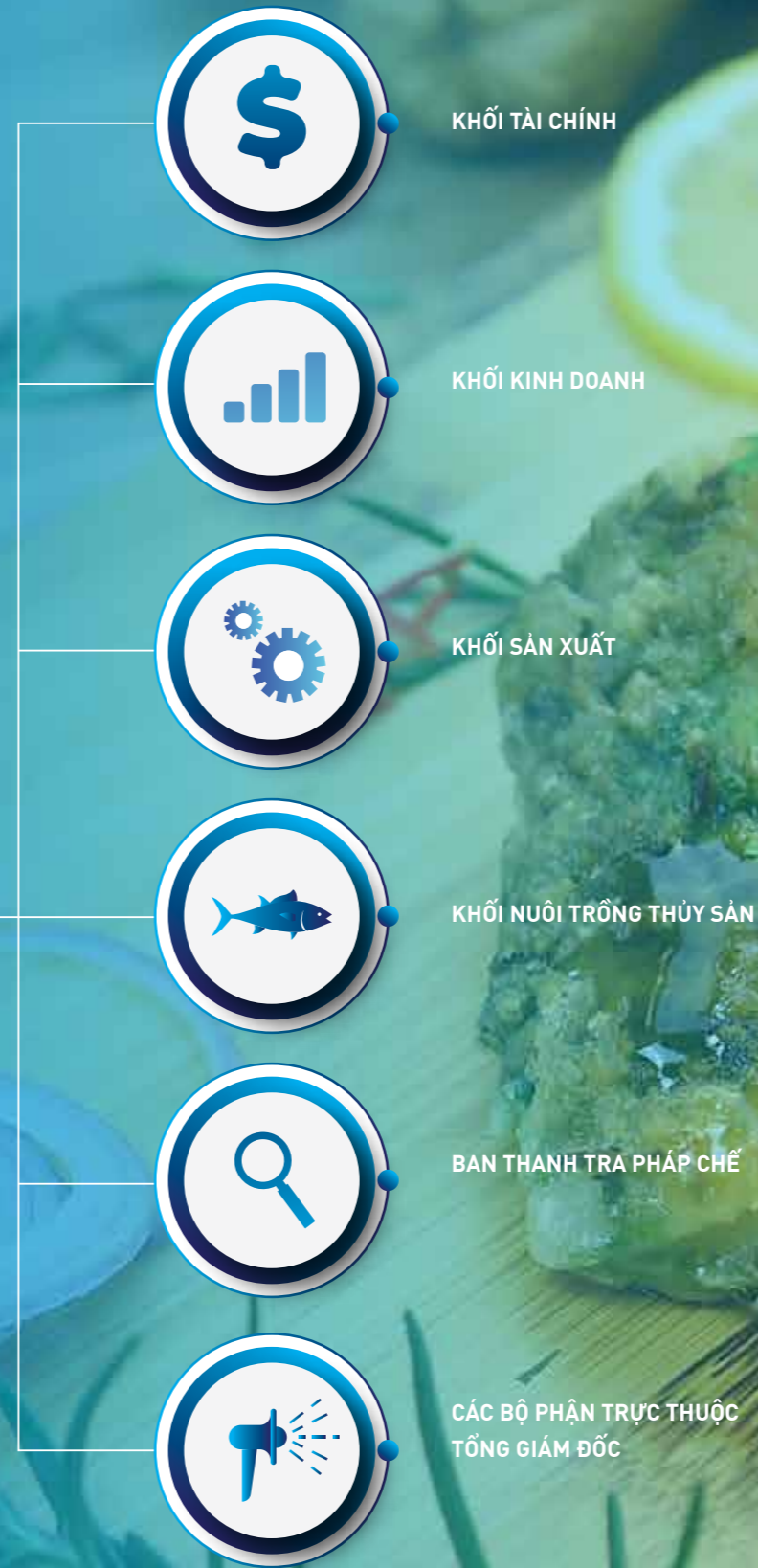


- 1 Thịt đỏ
- 2 Phi lê trắng
- 3 Phi lê còn da
- 4 Khúc
- 5 Cắt miếng
- 6 Xèo bướm
- 7 Nguyên con



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật liên quan:



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Các công ty con

01 - Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương

Địa chỉ	KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại	0291 03649262
Vốn điều lệ	36.000.000.000
Vốn NAVICORP góp	36.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; chế biến dầu cá, bột cá.

02 - Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú

Địa chỉ	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
Điện thoại	029 6 932486
Vốn điều lệ	540.000.000.000
Vốn NAVICORP góp	540.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	100%
Ngành nghề kinh doanh chính	Nuôi trồng thủy sản

Các công ty liên kết

Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh

Địa chỉ	KCN Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ.
Điện thoại - Fax	029103649769 - 029103649769
Vốn điều lệ	27.000.000.000
Vốn NAVICORP góp	12.000.000.000
Tỷ lệ sở hữu của NAVICORP	44,4%
Ngành nghề kinh doanh chính	Chế biến và bảo quản rau quả

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển

Tiếp tục phát triển chuyên sâu, áp dụng công nghệ cao và hoàn thành chuỗi giá trị khép kín từ con giống, sản xuất thức ăn thủy sản, nuôi trồng đến chế biến xuất khẩu.

Tăng hiệu quả nguồn nhân lực:

- Tinh giảm các bộ phận quản lý, gián tiếp chưa đạt hiệu quả.
- Ứng dụng các thành tựu công nghệ và kỹ thuật vào công việc của từng bộ phận để nâng cao năng suất.

Các mục tiêu chủ yếu

Đưa công ty lên vị trí top đầu của ngành bằng việc tận dụng các lợi thế sẵn có và phát triển mở rộng thị trường.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Chất lượng sản phẩm:

đáp ứng đầy đủ yêu cầu, tiêu chuẩn đầu ra của từng thị trường. Đảm bảo chất lượng sản phẩm đến người tiêu dùng bằng cách quản lý chặt chẽ từng khâu trong quy trình khép kín.

Đối với môi trường:

Navico sẽ không ngừng cải tiến hệ thống thực hành và quản lý môi trường, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, Công ty sẽ nghiêm túc thực hiện chương trình tiết kiệm nguyên liệu và năng lượng, chung tay bảo vệ môi trường nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Đối với xã hội:

Thực hiện minh bạch giờ công, tiền lương, các chế độ phúc lợi xã hội. Đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người lao động; bảo vệ nâng cao sức khỏe và tạo môi trường làm việc lành mạnh cho người lao động.

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

01_RỦI RO KINH TẾ

Tình hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2018 khá khả quan khi mức tăng trưởng GDP đạt 7,08%, mức tăng trưởng cao nhất kể từ 2008 trở lại đây.

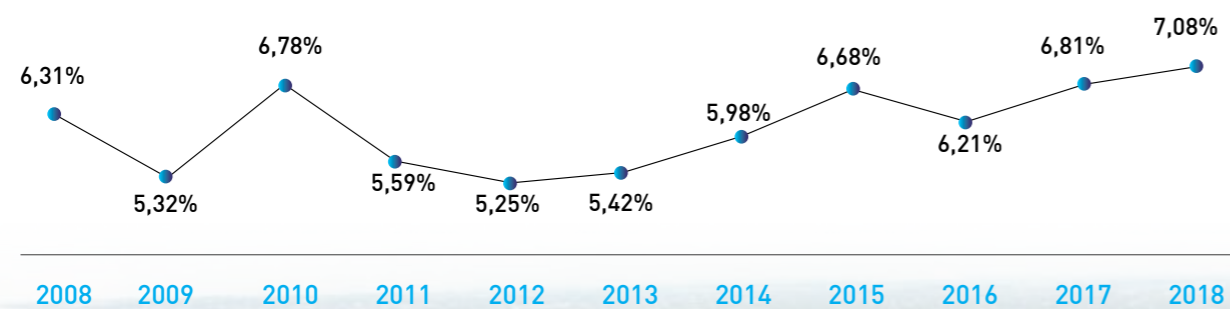
Đóng góp vào mức tăng trưởng 7,08% có khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,76%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,85%; khu vực dịch vụ tăng 7,03%. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2012-2018. Trong đó, ngành nông nghiệp tiếp tục phục hồi rõ nét khi đạt mức tăng 2,89%, cao nhất giai đoạn 2012-2018.

Ngoài ra, còn có sự đóng góp từ khu vực xuất khẩu hàng hóa. Tính chung cả năm 2018, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 244,72 tỷ USD, tăng 12,4% so với năm trước đây, trong đó xuất khẩu thủy sản chiếm 9 tỷ USD tăng 8,4%.

Cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế, Navico đã có những thành tích kinh doanh vượt ngoài mong đợi trong năm nay. Việc hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm và cải thiện nhiều mặt về tình hình kinh doanh sản xuất của công ty cùng với đà phát triển của nền kinh tế như trên thì những năm tiếp theo hứa hẹn sẽ là cơ hội rất lớn cho sự tăng trưởng và phát triển của Navico.

Tăng trưởng GDP Việt Nam

Nguồn: Tổng cục Thống kê



02_RỦI RO LÃI SUẤT

Với Navico, dù chi phí lãi vay bình quân những năm qua chỉ chiếm khoảng 1-3% Doanh thu thuần nhưng xu hướng ổn định của mặt bằng lãi suất cũng ít nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2019, Công ty sẽ thực hiện công tác chủ động dòng tiền, hạn chế đi vay nên chi phí lãi vay có thể sẽ giảm mạnh.

03_RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI

Với việc xuất khẩu là hướng kinh doanh chính của Công ty và lượng ngoại tệ thu về chủ yếu là USD, thì việc biến động tỷ giá hối đoái cũng sẽ là một vấn đề đáng quan tâm đối với ban lãnh đạo Công ty.

Tỷ giá USD: Hiện tại Navico đang nắm giữ một lượng tài sản được định giá bằng đồng USD và các hợp đồng ký kết cũng được thanh toán chủ yếu bằng USD nên việc ổn định tỷ giá cũng sẽ là một thuận lợi cho tình hình kinh doanh của Công ty.

04_RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro về dịch bệnh, ô nhiễm môi trường: Những năm gần đây tình hình biến đổi khí hậu diễn biến khá tiêu cực, nước biển dâng đã làm nước mặn tiến sâu vào nội đồng tác động trực tiếp đến vùng sản xuất giống và nuôi cá tra thương phẩm. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh nuôi cá, dù Navico luôn nỗ lực hết sức để đảm bảo chất lượng sản phẩm nhưng vẫn ít nhiều bị ảnh hưởng bởi môi trường chung cũng như không thể kháng cự lại tác động của thiên nhiên.

05_RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Nuôi và xuất khẩu cá tra ở địa bàn Đồng Bằng Sông Cửu Long đã và đang mang lại hiệu quả kinh tế cao và hứa hẹn tiềm năng phát triển lớn. Tuy vậy, những năm gần đây, tỷ lệ hao hụt khi nuôi cá tra ngày càng cao, thậm chí có ao nuôi cá hao hụt hơn 50%, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế cho người nuôi. Nếu tiếp tục bỏ quên vấn đề bảo vệ môi trường thì tình trạng suy thoái môi trường do nuôi cá sẽ tác động mạnh đến nghề nuôi và là cản trở lớn nhất cho việc phát triển con cá tra trong thời gian tới.

Rủi ro tăng giá nguyên vật liệu: Thị trường thiếu con giống sẽ làm giá cá được đẩy lên mức cao. Ngoài việc giá con giống cao, việc đổ xô nhau nuôi cá tra sẽ khiến cho giá thức ăn, thuốc thủy sản có thể tăng theo, từ đó khiến cho giá thành các yếu tố nguyên liệu đầu vào tăng.

Rủi ro thị trường xuất khẩu. Khó khăn cho Navico nói riêng và các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra nói chung bởi những khoản phải chịu thêm như chi phí kiểm tra, chi phí lưu kho....

06_RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Nam Việt chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, các chính sách thuế, hải quan; bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Nam Việt còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy Nam Việt cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này.

07_RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác bao gồm các rủi ro không thể dự đoán được như tình hình tăng giá vận chuyển, bảo quản hàng hóa, lưu kho ...là những rủi ro có nguy cơ xảy ra thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Môi trường kinh doanh 2018

THUẬN LỢI

- Navico hiện đang có chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất thức ăn, nuôi trồng và chế biến thủy sản, từ đó Công ty tự chủ động được nguồn nguyên liệu cá cho sản xuất và thị trường.
- Công ty có sẵn các nhà máy để đưa vào sử dụng khi nhu cầu sản xuất tăng thêm mà không phải đầu tư mới.
- Vùng nuôi cá nguyên liệu tập trung chủ yếu tại địa bàn tỉnh An Giang, Đồng Tháp không bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn.
- Công ty có thị trường xuất khẩu tương đối đa dạng và ổn định qua các năm, có nhiều khách hàng truyền thống trong từng thị trường.

KHÓ KHĂN

- Nguồn lao động không ổn định thường di chuyển giữa các doanh nghiệp trong và ngoài ngành.
- Thị trường: Một số thị trường dựng lên các hàng rào phi thuế quan để hạn chế và thắt chặt kiểm soát hàng hóa nhập khẩu như thị trường Mỹ, Châu Âu.

Chỉ tiêu	2017 (tỷ đồng)	2018 (tỷ đồng)	Tăng/giảm trong năm
Doanh thu thuần	2.949.141	4.117.989	39,6%
Giá vốn hàng bán	2.516.690	3.255.567	29,4%
Lợi nhuận gộp	432.450	862.422	99,4%
Doanh thu hoạt động tài chính	19.625	73.915	276,6%
Chi phí hoạt động tài chính	63.842	75.220	17,8%
Chi phí bán hàng	145.839	160.836	10,3%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.380	8.659	-78,0%
Lãi (lỗ) từ công ty liên doanh	(4.757)	(2.032)	-
Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD	198.257	689.591	247,8%
Lợi nhuận khác - Tổng	(31.650)	558	-
Lợi nhuận trước thuế	166.606	690.150	314,2%
Lợi nhuận sau thuế	143.999	604.167	319,6%

DOANH THU THUẦN

Trong năm 2018, doanh thu thuần của Navico đạt 4.118,0 tỷ đồng, tăng trưởng 39,6% so với cùng kỳ năm 2017. Doanh thu trong năm tăng trưởng là do gia tăng giá bán các thành phẩm của công ty cùng với việc mở rộng thị trường thành công.

LỢI NHUẬN GỘP

Biên lợi nhuận gộp đã có sự cải thiện, tăng từ 14,7% ở năm 2017 lên 20,9% trong năm 2018, các chi phí bán hàng, chi phí tài chính giảm đáng kể.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Lợi nhuận sau thuế của Navico tăng mạnh 319,6% so với năm 2017. Nguyên nhân chính là do trong năm 2018, Công ty đã mở rộng thị trường thành công và giá bán thành phẩm tăng mạnh. Đây là yếu tố lớn nhất làm lợi nhuận của toàn công ty tăng trưởng đột biến.

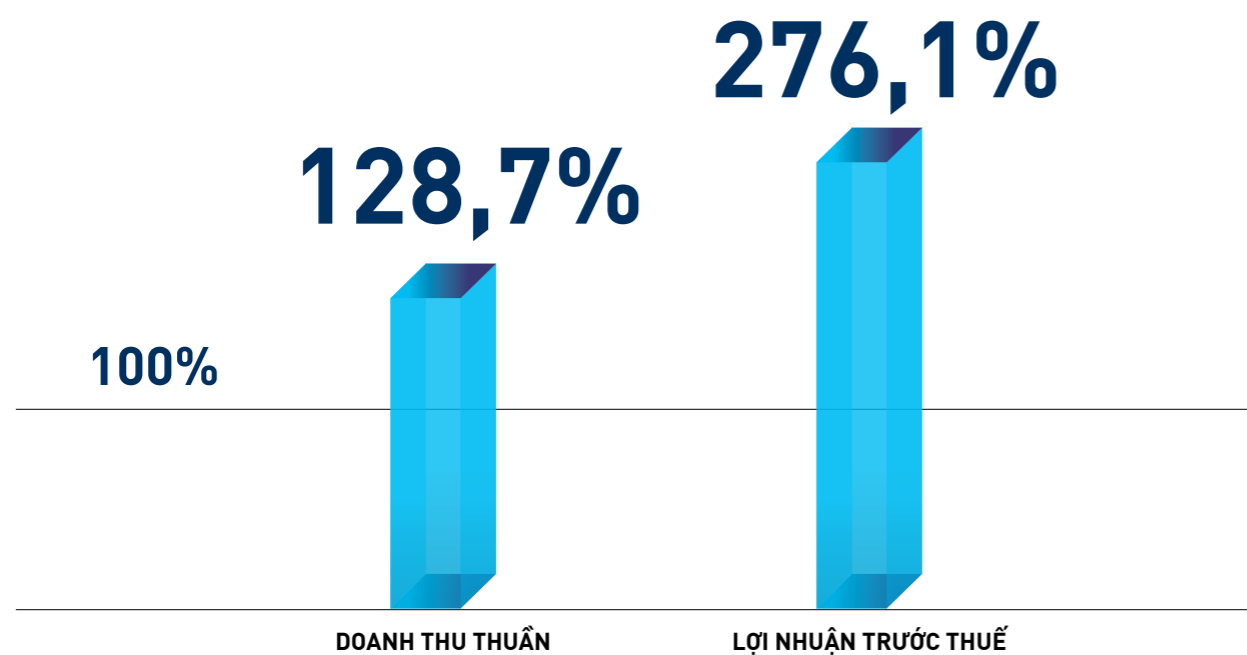


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ TIÊU CÁC KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH2018	TH2018/ KH2018
Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.200.000	4.117.989	128,7%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	250.000	690.150	276,1%

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐỀ RA (ĐVT: TỶ ĐỒNG)

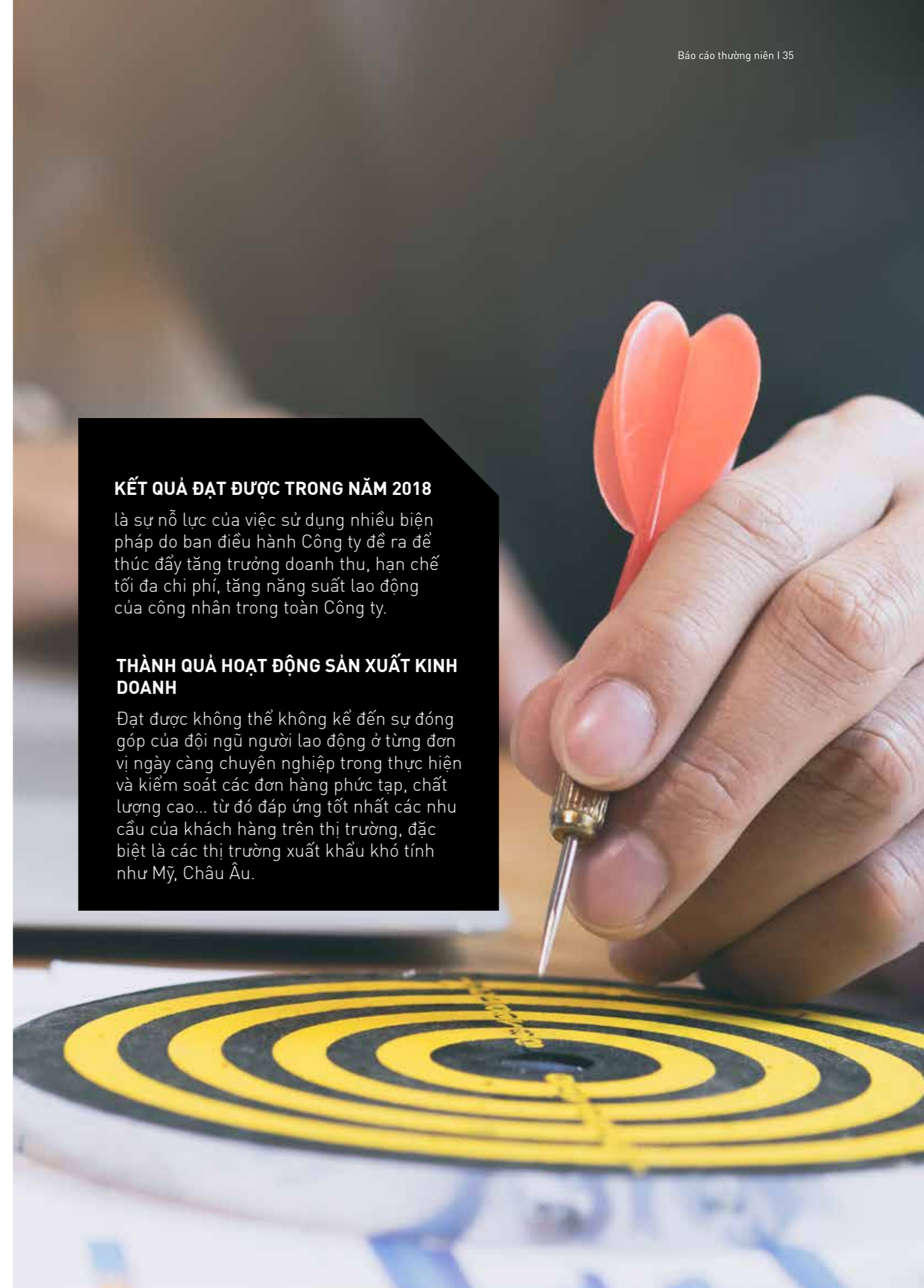


KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2018

là sự nỗ lực của việc sử dụng nhiều biện pháp do ban điều hành Công ty đề ra để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, hạn chế tối đa chi phí, tăng năng suất lao động của công nhân trong toàn Công ty.

THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đạt được không thể không kể đến sự đóng góp của đội ngũ người lao động ở từng đơn vị ngày càng chuyên nghiệp trong thực hiện và kiểm soát các đơn hàng phức tạp, chất lượng cao... từ đó đáp ứng tốt nhất các nhu cầu của khách hàng trên thị trường, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu khó tính như Mỹ, Châu Âu.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG DOÃN TỚI
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Giới tính: Nam
Năm sinh: 1954
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
Quá trình công tác:
- Từ tháng 10 năm 2006: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Nam Việt.
- Từ năm 2001 đến tháng 09 năm 2006: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nam Việt.
- Từ năm 1971 đến năm 2001: Sĩ quan quân đội (cấp bậc Thượng tá) đến 2001 nghỉ hưu.
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 61.905.000 cổ phần – 48,54% vốn điều lệ.



ÔNG ĐỖ LẬP NGHIỆP
Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Giới tính: Nam
Năm sinh: 1975
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác:
- Từ tháng 01/2011: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám Đốc CTCP Nam Việt.
- Từ năm 2004 đến tháng 09 năm 2010: Giám đốc sản xuất CTCP Nam Việt.
- Từ năm 2000 đến năm 2004: Phó Giám đốc Nhà máy đông lạnh Thủy sản Nam Việt
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 469.000 cổ phần – 0,37% vốn điều lệ.



ÔNG NGUYỄN DUY NHỨT
Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Giới tính: Nam
Năm sinh: 1960
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác:
- Từ tháng 12/2007: Phó Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Phó Tổng Giám Đốc CTCP Nam Việt.
- Từ năm 2004 đến tháng 11/2007: Giám đốc Tài chính CTCP Nam Việt.
- Trước năm 2004: Công tác trong ngành tài chính Nhà nước
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 519.000 cổ phần – 0,41% vốn điều lệ.

ÔNG DOÃN CHÍ THIÊN
Trợ lý Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam
Năm sinh: 1989
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
- Từ năm 2012: Trợ lý Tổng Giám Đốc, Công ty CP Nam Việt.
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 17.159.999 – 13,45% vốn điều lệ.



ÔNG DOÃN CHÍ THANH
Giám đốc Kinh doanh

Giới tính: Nam
Năm sinh: 1983
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tin học
Quá trình công tác:
- Từ tháng 06 năm 2011: Giám Đốc khối Kinh doanh CTCP Nam Việt.
- Từ năm 2008 đến năm 2011: Phó Giám Đốc Xuất nhập khẩu CTCP Nam Việt.
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 17.160.000 cổ phần – 13,45% vốn điều lệ



BÀ HUỖNH THỊ KIM THOA
Kế toán trưởng

Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1985
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán Doanh Nghiệp
Quá trình công tác:
- Từ ngày 19/07/2007 công tác tại CTCP Nam Việt.
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần – 0,016% vốn điều lệ.



ÔNG TRẦN MINH CẢNH
Giám đốc Tài chính

Giới tính: Nam
Năm sinh: 1965
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:
- Từ 2010 đến tháng 06/2017: Giám Đốc Tài Chính CTCP Nam Việt.
- Từ năm 2008 đến 2010: Phó Giám Đốc Tài chính CTCP Nam Việt.
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần – 0,016% vốn điều lệ.



ÔNG NGUYỄN VĂN VỸ
Giám đốc Khôi nuôi trồng thủy sản

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
Quá trình công tác: 19 năm tại CTCP Nam Việt.
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân: 961.840 cổ phần – 0,75% vốn điều lệ.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ nhân viên

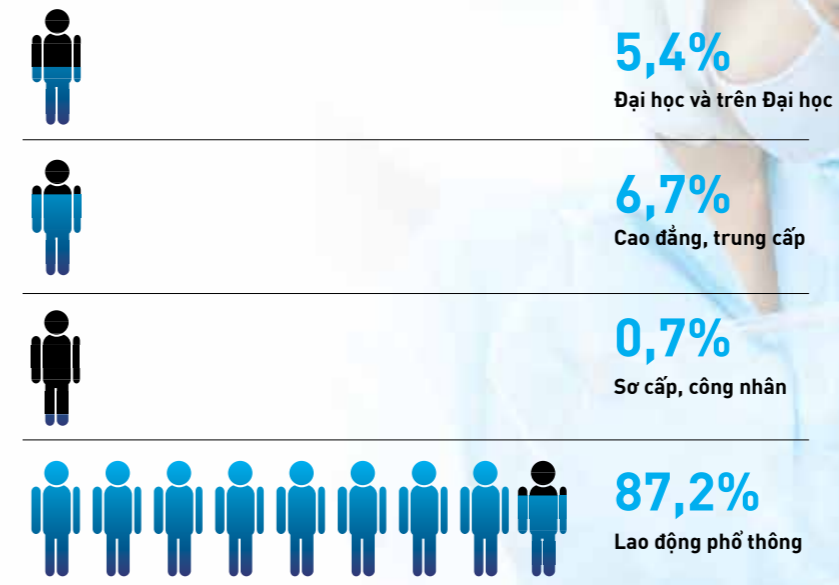
Tính đến 31/12/2018, tổng số lao động của Tổng Công ty là 4.634 người với cơ cấu cụ thể như sau:

Số TT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Đại học và trên Đại học	251	5,4
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	311	6,7
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	29	0,7
4	Lao động phổ thông	4.043	87,2
II	Theo đối tượng lao động	4.634	100
1	Lao động toàn thời gian	0	0
2	Lao động bán thời gian		
III	Theo giới tính		
1	Nam	2.456	53
2	Nữ	2.178	47

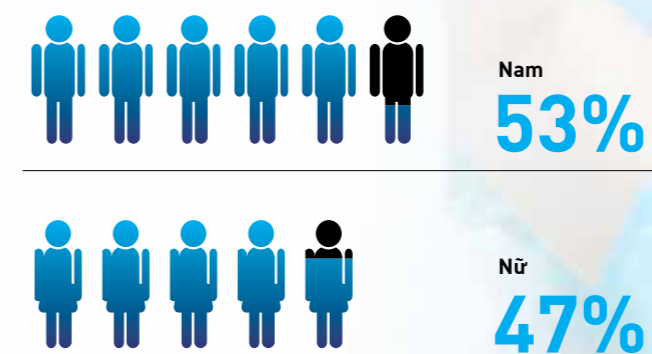
Một số chính sách đối với người lao động

- Công ty áp dụng chính sách tiền lương và khen thưởng cho cán bộ công nhân viên theo đúng quy định pháp luật và quy chế lương thưởng của công ty dựa trên các cơ sở về hiệu quả công việc của từng người, theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và lợi nhuận của công ty.
- Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện cho người lao động tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ và các hoạt động tinh thần khác do Công đoàn, Các tổ chức đoàn thể ở địa phương tổ chức nhân các ngày lễ, các dịp kỷ niệm trong năm như: Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế thiếu nhi, Ngày thành lập Công ty, năm mới...
- Các chế độ phúc lợi khác:
 - » Thưởng các dịp Lễ, lương tháng 13, thưởng thành tích cuối năm
 - » Khám sức khỏe định kỳ,
 - » Đồng phục và Bảo hộ lao động
 - » Các khoản trợ cấp khác: Trợ cấp khó khăn, trợ cấp tang chế, chế độ nghỉ mát hằng năm; chế độ công tác phí; trợ cấp tiền xăng...
 - » Tổ chức du lịch để cải thiện tinh thần làm việc

Theo trình độ lao động



Theo giới tính



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ,

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Các dự án mới phát sinh trong năm: Trong năm 2018, Công ty đầu tư dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản Bình Phú.

Dự án được xây dựng trong năm 2019 - 2020. Điểm nổi bật của dự án là quy mô lớn, tập trung, ứng dụng công nghệ cao và xuất khẩu 100% - dự án đáp ứng được hết các tiêu chí khắt khe như kích cỡ đồng đều, đúng hẹn, đảm bảo yếu

tố an toàn, bảo vệ môi trường.... Dự án được chia thành 2 khu, bao gồm khu sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao (diện tích nuôi 150 ha, vốn đầu tư 1.000 tỷ đồng) và khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nuôi trồng thủy sản, nuôi cá tra thương phẩm (diện tích nuôi 450 ha, vốn đầu tư 3.000 tỷ đồng).

Các khoản đầu tư dài hạn

Tính đến 31/12/2018, Công ty vẫn duy trì danh mục đầu tư dài hạn từ các năm trước và không phát sinh giao dịch đầu tư mới:

Tên công ty đầu tư	31/12/2017 (VNĐ)	31/12/2018 (VNĐ)
Ngân hàng Thương mại CP Hàng Hải (MSB)	135.000.000.000	135.000.000.000
Công ty CP Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	20.304.000.000
Cộng	166.304.000.000	166.304.000.000

Các công ty con, công ty liên kết

Các công ty con
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương

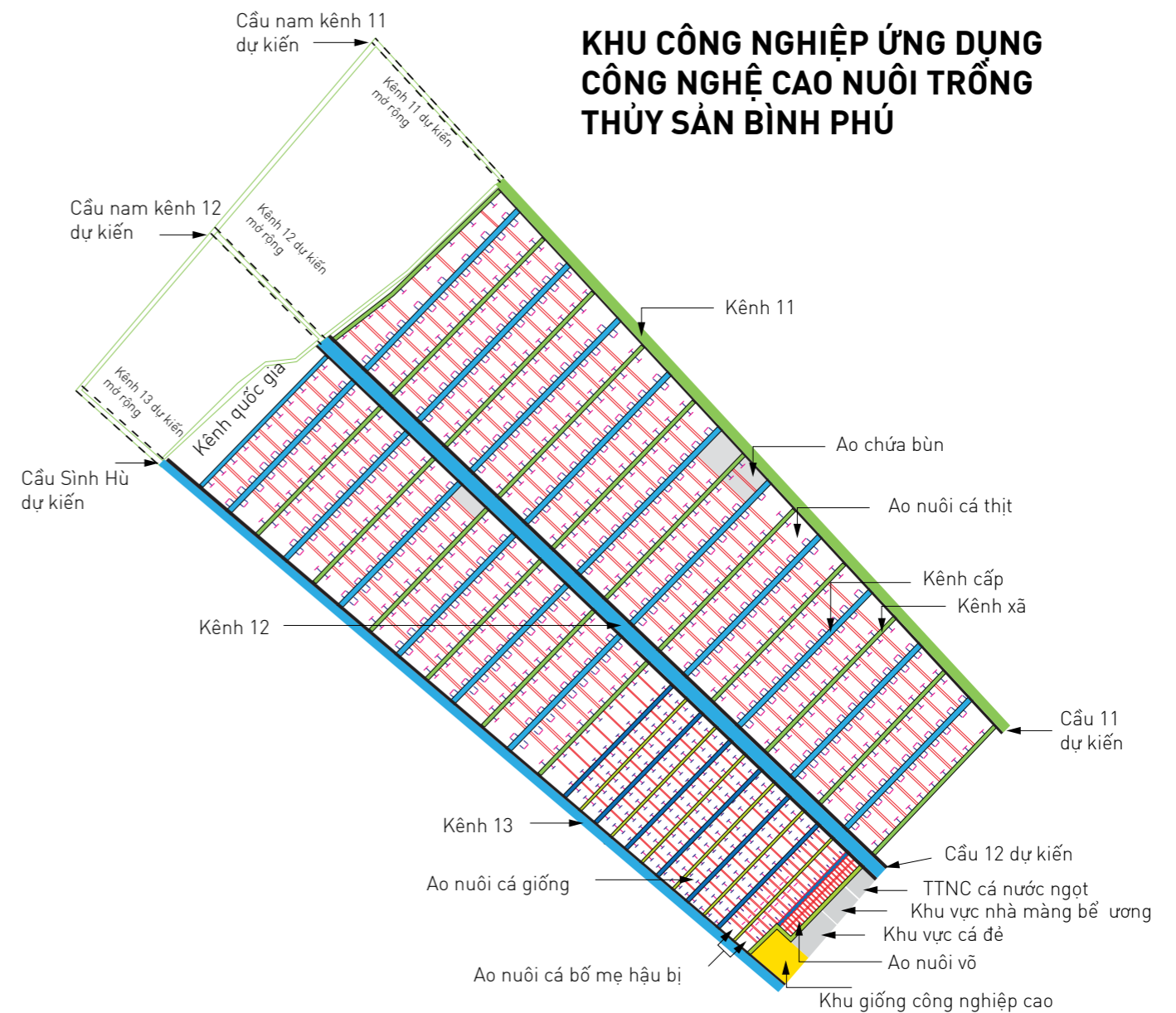
Chi tiêu	ĐVT	2017	2018
Doanh thu	Đồng	571.517.456.392	721.335.072.583
LNTT	Đồng	48.420.108.193	125.778.732.161
Tài sản	Đồng	189.384.619.768	220.735.932.177
Vốn điều lệ	Đồng	36.000.000.000	36.000.000.000

Công ty Liên kết
Công ty Cổ phần Rau Quả Nông trại Xanh (Đã ngưng hoạt động).

Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú

Chi tiêu	ĐVT	2017	2018
Doanh thu	Đồng	0	0
LNTT	Đồng	0	(3.540.909)
Tài sản	Đồng	0	397.391.916.380
Vốn điều lệ	Đồng	0	540.000.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty mới nhận được 397.097.400.000 VND



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính

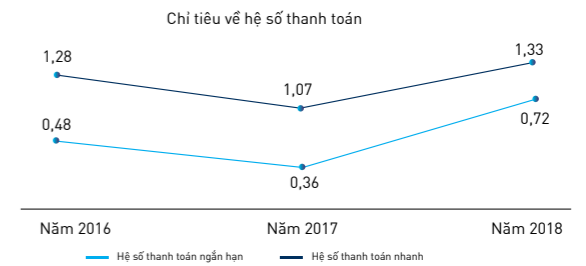
Chỉ tiêu	Năm 2017 (tr.đồng)	Năm 2018 (tr.đồng)	Tăng giảm trong năm 2018
Tổng giá trị tài sản	2.702.315	3.425.069	27%
Doanh thu thuần	2.949.141	4.117.989	40%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	198.257	689.591	248%
Lợi nhuận khác	(31.650)	558	-
Lợi nhuận trước thuế	166.606	690.150	314%
Lợi nhuận sau thuế	143.999	604.167	320%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,28	1,07	1,33
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,48	0,36	0,72
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	56,6%	48,4%	46,0%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	130,5%	93,9%	85,3%
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
Vòng quay Khoản phải thu	Vòng	4,17	3,82	6,81
Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	1,97	2,43	3,55
Vòng quay Tài sản	Vòng	0,90	1,03	1,34
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,48%	4,88%	14,67%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	1,49%	10,53%	32,69%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,62%	4,98%	17,63%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	1,39%	6,72%	16,75%

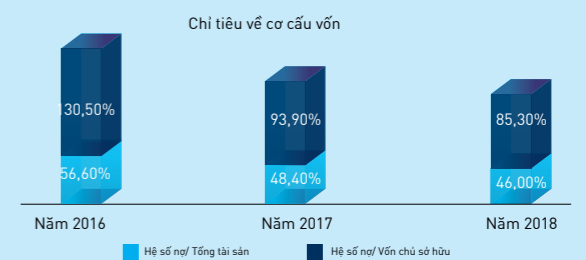
• Về Khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Navico đều tăng so với năm 2017. Cụ thể: hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,07 lần lên 1,33 lần; Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,36 lần lên 0,72 lần trong năm 2018. Nguyên do chủ yếu do các khoản mục trong tài sản ngắn hạn đều tăng mạnh so với nợ ngắn hạn.



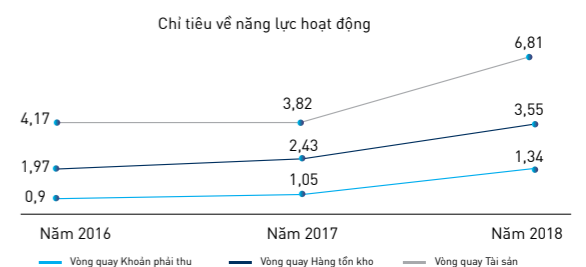
• Về cơ cấu vốn:

Trong năm 2018, Công ty chủ động cắt giảm vay nợ dài hạn nhưng tăng nợ ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Tuy nhiên, cơ cấu nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2018 vẫn giảm so với năm trước do vốn chủ sở hữu và tổng tài sản tăng mạnh.



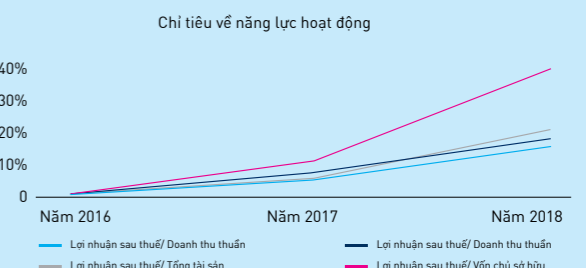
• Về năng lực hoạt động:

các chỉ số vòng quay cơ bản đều thể hiện mức tăng đáng kể: vòng quay các khoản phải thu tăng từ 3,82 lên 6,81 vòng so với cùng kỳ, vòng quay tài sản tăng từ 1,05 lên 1,34 vòng, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 2,43 vòng lên 3,55 vòng.



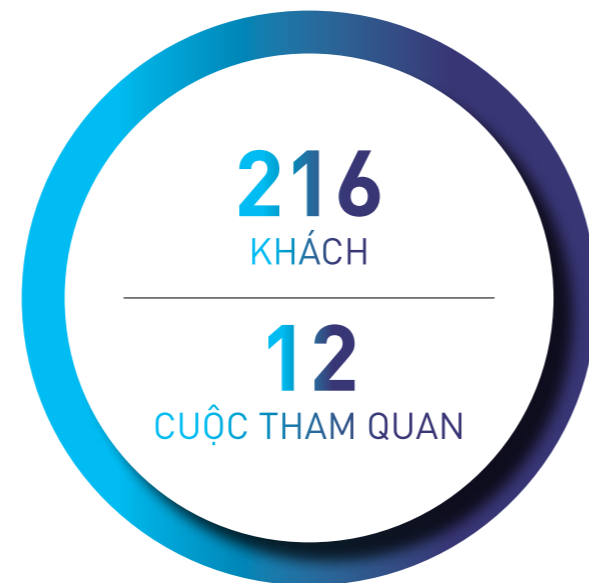
• Về Khả năng sinh lời:

Do giá bán tăng và hoạt động kinh doanh của Công ty cũng được cải thiện nhờ tiết giảm nhiều khoản chi phí như chi phí lãi vay, chi phí quản lý doanh nghiệp...nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều đạt mức cao và tăng gấp 3-5 lần so với năm 2017.



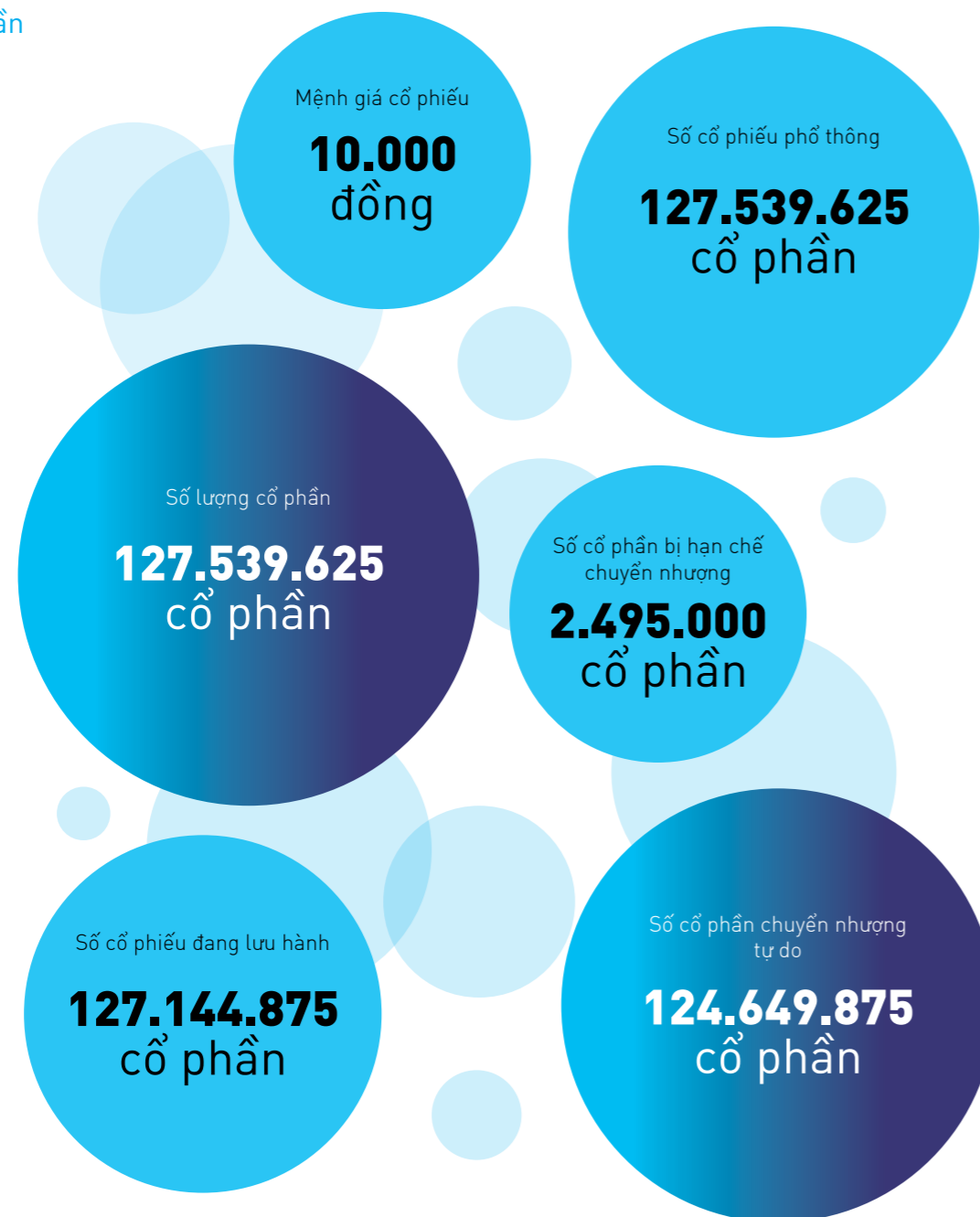
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Trong năm 2018, bộ phận IR đã có nhiều lượt gặp gỡ với cổ đông, nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong nước lẫn nước ngoài thông qua nhiều hình thức tiếp xúc khác nhau và tại nhiều địa điểm khác nhau. Cụ thể như sau: Tổ chức hơn 10 cuộc tham quan hệ thống nhà máy sản xuất và vùng nuôi cho các cổ đông, nhà đầu tư và các tổ chức nghiên cứu trường đại học khác đến từ châu Á, châu Âu và Mỹ. Công ty cũng rất tích cực tham gia các sự kiện hội nghị đầu tư quốc tế được tổ chức ở Việt Nam nhằm gặp gỡ cổ đông và các nhà đầu tư. Đáng ghi nhận, Công ty đã tích cực tham gia các sự kiện tiếp xúc nhà đầu tư do HSC và SSI tổ chức để cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư quan tâm liên quan đến tình hình hoạt động năm 2018



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần



Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	TỶ LỆ SỞ HỮU	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN
1	Trên 5% sở hữu	91.164.999
2	Dưới 5% sở hữu	36.374.626

Cơ cấu cổ đông theo loại hình sở hữu

Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Cổ đông trong nước	123.698.165	97,29%
Cá nhân	123.571.868	97,19%
Tổ chức	126.297	0,10%
Cổ đông nước ngoài	3.446.710	2,71%
Cá nhân	216.116	0,17%
Tổ chức	3.230.594	2,54%
Tổng cộng	127.144.875 (CHƯA TÍNH CỔ PHIẾU QUỸ 394,750)	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2018, Công ty đã phát hành 2.495.000 cổ phiếu ESOP. Nâng tổng vốn đầu tư của chủ sở hữu lên 1.275.396.250.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Tính đến 31/12/2018, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 394.750 cổ phiếu (tương đương 11,3 tỷ đồng). Trong năm 2018, Công ty không thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ.

Các chứng khoán khác: Không có.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

01_ BÁO CÁO TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Trong năm 2018, Công ty luôn thực hiện các chính sách tiết kiệm nguồn năng lượng như điện, xăng, dầu với mục đích vừa tiết kiệm chi phí cho công và cả tiết kiệm tài nguyên cho quốc gia, bảo vệ môi trường. Với các sáng kiến tiết kiệm năng lượng của công ty như:

- Sử dụng một số thiết bị tiết kiệm năng lượng tại văn phòng, xí nghiệp.
- Sử dụng bóng đèn LED
- Quán triệt, xây dựng cho nhân viên, cán bộ, người lao động thói quen tiết kiệm điện.

STT	Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2018
1	Điện (Kwh)	51.380.100
	Tổng năng lượng tiêu thụ	51.380.100
2	Gas (kg)	16.500
	Tổng năng lượng tiêu thụ	16.500

02_ BÁO CÁO TIÊU THỤ NƯỚC

Với đặc thù hoạt động của công ty, lượng nước công ty sử dụng cho các hoạt động như nuôi trồng cá tra, cá rô; sử dụng trong hoạt động chế biến các sản phẩm chính của công ty; sử dụng trong hoạt động chế biến thức ăn cho cá và sử dụng nước cho sinh hoạt.

Song song với chính sách tiết kiệm năng lượng, Công ty cũng có các hoạt động, chính sách tiết kiệm nguồn nước sử dụng. Nguồn cung cấp nước chủ yếu của công ty là từ nguồn nước giếng. Lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt của Công ty trung bình là 1.500 m³/ngày.



03_ TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hiện nay, Công ty có tổng cộng 4.634 người lao động với thu nhập bình quân đạt 8.000.000 đồng/người/tháng.

Ngoài những chính sách đãi ngộ, Navico đặc biệt quan tâm đến hoạt động đào tạo huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động. Trong năm qua, Công ty đã nghiêm túc thực hiện theo quy định tại Điều 19, Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 quy định chi tiết về một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động. Cụ thể:

Đối tượng tham gia đào tạo	Số giờ đào tạo
Nhóm 1: Người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 16 giờ
Nhóm 2: Người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động	Ít nhất 48 giờ
Nhóm 3: Người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	
Nhóm 4: Người lao động không thuộc các nhóm 1, 2, 3 và 5, bao gồm cả người học nghề, tập nghề, thử việc để làm việc cho người sử dụng lao động.	Ít nhất 24 giờ
Nhóm 5: Người làm công tác y tế.	Ít nhất 56 giờ
Nhóm 6: An toàn, vệ sinh viên	Ít nhất 4 giờ

04_ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG

Trong năm công ty không vi phạm luật và các quy định về môi trường.

05_ TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Navico hằng năm luôn có các hoạt động để đóng góp cho cộng đồng xã hội. Ngoài các hoạt động đóng góp sức lực trực tiếp cho việc giữ gìn cộng đồng xã hội, Công ty còn hỗ trợ tài chính cho cộng đồng địa phương.

Những năm qua, Công ty đã có những đóng góp tài chính về:

- Công ty đóng góp quỹ Mùa Xuân
- Công ty đóng góp quỹ Công tác xã hội từ thiện
- Đóng góp Quỹ đến ơn đáp nghĩa
- Công ty khen thưởng cho con của CB-CNV lao động có thành tích trong học tập

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2018 đánh dấu một năm thành công đối với ngành thủy sản với kim ngạch xuất khẩu đạt 9 tỷ USD, tăng 8,4% so với năm trước, trong đó, đặc biệt ngành cá tra được tốc độ tăng trưởng đột phá với kim ngạch đạt 2,26 tỷ USD, tăng 26,4% so với năm trước, cao nhất từ trước đến nay.

Với mô hình sản xuất khép kín được đầu tư từ nhiều năm qua và những thuận lợi về thị trường, vùng nguyên liệu từ năm 2017 từ đó năm 2018 là một năm tăng trưởng vượt bậc của Công ty Cổ Phần Nam Việt, với kim ngạch xuất khẩu đạt 145 triệu USD, tăng 56% so với năm 2017.

Hiện nay, Công ty đảm bảo tự chủ 100% thức ăn cho việc nuôi trồng, 100% cá nguyên liệu cho các nhà máy chế biến, trong đó:

- 8 lines nhà máy thức ăn với công suất 800 tấn thành phẩm/ngày.
- 21 vùng nuôi cá với tổng diện tích mặt nước đạt 250ha. Trong năm 2018, công ty đầu tư 540 tỷ vốn thành lập Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt – Bình Phú với diện tích gần 600ha phục vụ cho việc nuôi trồng. Theo kế hoạch đến cuối năm 2019 vùng nuôi này sẽ cho sản lượng phục vụ sản xuất.
- 3 nhà máy chế biến với tổng công suất thiết kế 600 tấn cá nguyên liệu/ngày, gồm:
 - + Nhà máy Ấn Độ Dương: 400 tấn cá nguyên liệu/ngày
 - + Nhà máy Nam Việt: 120 tấn cá nguyên liệu/ngày
 - + Nhà máy Thái Bình Dương: 80 tấn cá nguyên liệu/ngày

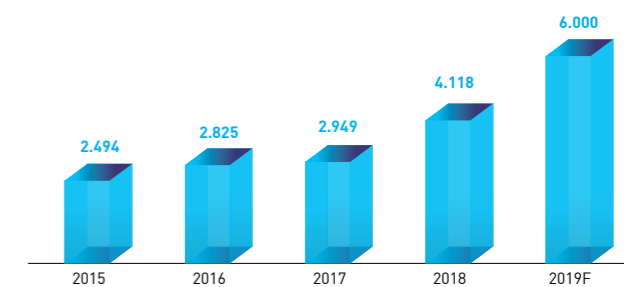
Kết quả SXKD trong năm 2018

Các chỉ tiêu hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	Tăng/giảm trong năm
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.949	4.118	39,6 %
Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	167	690	4,1 lần
Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	144	604	4,2 lần
EPS	Đồng/CP	1.142	4.811	4,2 lần
Cổ tức chi trả/vốn điều lệ	%	12%	12%	
Số lượng lao động	Người	3.822	4.634	21,24 %
Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/người/tháng	5,4	8,0	

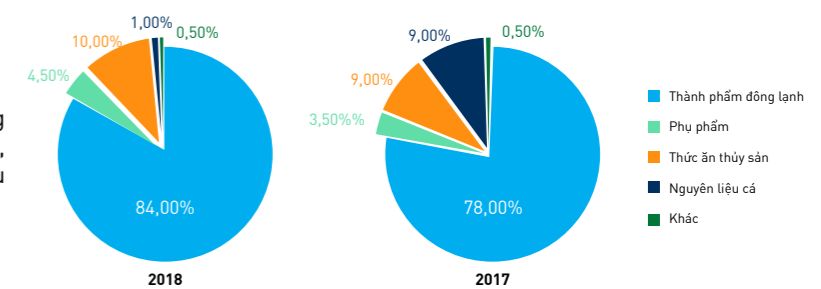
Về doanh thu

Doanh thu thuần của toàn công ty trong năm 2018 đạt 4.118 tỷ đồng, cao hơn 39,6% so với cùng kỳ năm trước và vẫn trong xu hướng tăng từ năm 2015. Tăng trưởng doanh thu trong năm 2018 khả quan do doanh thu từ các thị trường mà Navico xuất sang đều tăng, giá bán tốt, cùng với tự chủ nguồn nguyên liệu cá để chế biến xuất khẩu, công ty kiểm soát được nguyên liệu và chi phí đầu vào từ đó sản phẩm của Navico có giá thành cạnh tranh nhất trên thị trường.



Về cơ cấu doanh thu

Doanh thu bán thành phẩm đông lạnh vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Navico chiếm 84%, tăng 7,7% so với năm trước. Doanh thu mảng thức ăn, phụ phẩm có tăng trưởng tương đối so với năm trước.



Về lợi nhuận gộp

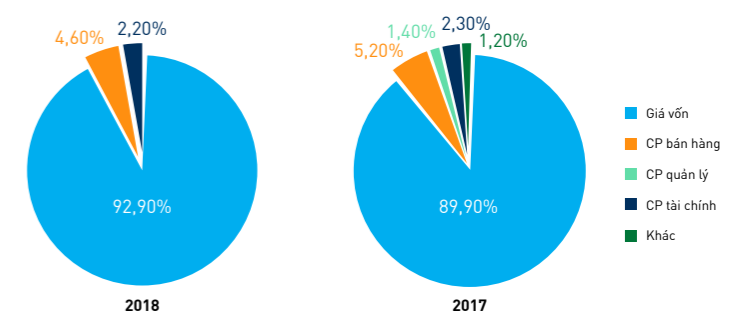
Năm 2018 Nam Việt ghi nhận lợi nhuận gộp đạt 862 tỷ đồng, cao hơn 99,5% so với năm 2017. Đồng thời biên lợi nhuận của Công ty cũng được cải thiện nhờ ổn định được giá vốn hàng bán.

Về cơ cấu chi phí hoạt động

Giá vốn hàng bán vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí của Navico. Chi phí giá vốn hàng bán trong năm 2018 chiếm 92,9% tổng chi phí, tăng nhẹ 3% trong cơ cấu chi phí so với năm 2017.

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí tài chính đều giảm so với năm 2017.

Công ty có chính sách quản lý chi phí hoạt động chặt chẽ hơn và cắt giảm được phần nào những chi phí hoạt động không tốt.



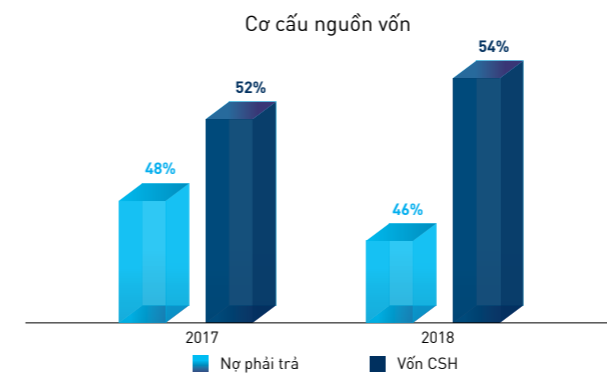
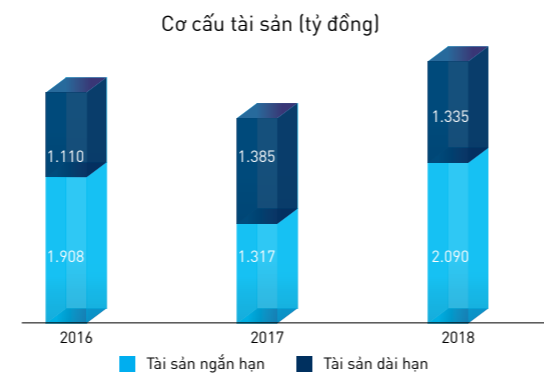
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Tính đến 31/12/2018, giá trị tổng tài sản đạt 3.425 tỷ đồng, cao hơn hơn 26,76% so với năm 2017. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 64,02%, tăng 31,35% trong cơ cấu tài sản so với năm 2017.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho của Công ty chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 46%, tiếp đến là các khoản phải thu ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn và tiền, các khoản mục này lần lượt chiếm 27,2%, 21,5% và 3,3%.

Đối với tài sản dài hạn, tài sản cố định là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 41%. Ngoài ra, các khoản chi phí xây dựng dở dang và mục đầu tư tài chính dài hạn cũng chiếm phần lớn trong cơ cấu tài sản dài hạn, tương ứng 29,4% và 24,3%, còn lại các mục khác chiếm 5,3%



Tình hình nợ phải trả

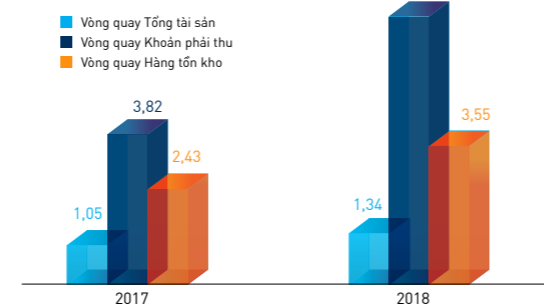
Tại thời điểm 31/12/2018, Tổng nợ của Công ty là 1.577 tỷ đồng, chiếm 46% cơ cấu tài sản của Navico (Nếu như loại bỏ phần nợ vay tương ứng với phần đầu tư tài chính của công ty là 628 tỷ đồng, thì nợ chỉ chiếm 27,7%). So với năm 2017, cơ cấu nợ/tổng tài sản của công ty giảm gần 5%.

Nhìn chung, cơ cấu nợ này ở mức tốt so với các doanh nghiệp trong cùng ngành.

Trong đó, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu là 99,36% trong tổng nợ, ở mức 1,56 tỷ đồng, tăng 335 tỷ đồng so với năm 2017. Nợ dài hạn là 9,5 tỷ đồng, giảm 66,5 tỷ đồng so với năm 2017. Nợ của Công ty chủ yếu được vay bằng VND.

Bên cạnh đó, chi phí lãi ngân hàng tiếp tục giảm mạnh chỉ còn 45,9 tỷ đồng, giảm 10,9 tỷ đồng so với năm 2017.

Một số chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Navico trong năm 2018 tăng so với năm 2017, trong đó:

- Vòng quay tổng tài sản được cải thiện khi tăng từ 1,05 lên 1,34 vòng.
- Vòng quay khoản phải thu tăng từ 3,82 vòng lên 6,81 vòng.
- Vòng quay hàng tồn kho của Nam Việt trong năm 2018 đạt 3,55 vòng; tăng 1,12 vòng so với năm 2017.

Trên thực tế, Công ty luôn coi trọng công tác quản trị rủi ro nói chung và đặc biệt là rủi ro thanh khoản nói riêng. Ban điều hành luôn giám sát hoạt động quản lý rủi ro thông qua việc thường xuyên theo dõi yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động dòng tiền của Công ty.

Về ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng USD.

Về ảnh hưởng của chênh lệch lãi vay

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018
Vay ngắn hạn	Tỷ đồng	1.025,2	1.251,1
Vay dài hạn	Tỷ đồng	76,1	9,5
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	56,8	45,9
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	%	1,9%	1,1%

Năm 2018, lãi vay công ty phải trả là 45,9 tỷ đồng, giảm so với năm 2017 do công ty giảm nợ vay dài hạn. Tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu thuần giảm từ 1,9% xuống 1,1%. Đây là mức thấp và thể hiện công ty không chịu nhiều rủi ro về biến động lãi suất.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức

- Tháng 08/2018: Nhà máy Nam Việt, Nhà máy Thái Bình Dương chính thức hoạt động trở lại từ đó tăng sản lượng sản xuất cũng như xuất khẩu.
- Tháng 11/2018: Công ty Cổ Phần Nam Việt đầu tư góp 100% vào Công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú. Với diện tích gần 600 ha phục vụ cho công tác nuôi trồng. Dự kiến cuối năm 2019 vùng nuôi này sẽ cho sản lượng phục vụ sản xuất.
- Cải thiện năng suất lao động: Trong năm qua, Navico đã thực hiện định biên các bộ phận gián tiếp và áp dụng công nghệ vào các công tác nghiệp vụ và quản lý từ đó giảm chi phí tiền lương.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Triển vọng thị trường xuất khẩu cá tra năm 2019

Năm 2018, xuất khẩu cá tra có sự phát triển ngoạn mục, từ kim ngạch 1,78 tỷ USD năm 2017 bật lên đạt mức kỷ lục 2,26 tỷ USD, tăng trưởng 26,4% so với năm 2017. Trên thực tế, trong khi suốt 5 năm qua, kim ngạch xuất khẩu cá tra chỉ từ 1,5 đến 1,8 tỷ USD.

Sự tăng trưởng vượt bậc đối với cá tra có được là nhờ sự cộng hưởng từ nhiều yếu tố. Đầu tiên là nền tảng từ năm 2017 đã có những kết quả tốt, cá tra ở mức giá cao. Một phần quan trọng là các doanh nghiệp cá tra đã ý thức được việc nâng cao chất lượng sản phẩm, tổ chức sản xuất theo chuỗi từ con giống đến chế biến, tiêu thụ đã giúp các doanh nghiệp chủ động nguồn cung để đưa ra thị trường. Ngoài ra, năm 2018, nhu cầu từ các thị trường đều tăng. Đáng chú ý là Mỹ là thị trường tăng trưởng cao nhất với tốc độ 54,5%, chiếm 24,2% thị phần, trở lại là thị trường số 1 của cá tra Việt Nam.

Năm 2019 cá tra vẫn còn đà phát triển tốt, xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc còn nhiều tiềm năng do nhu cầu tiêu thụ lớn, sản phẩm đa dạng, thị trường gần. Giá cá tra cuối năm 2018 vẫn duy trì ở mức cao khiến người nuôi trồng được lợi lớn, nguyên nhân là nguồn cung cá nguyên liệu giống hiện vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, do tình hình thời tiết ảnh hưởng đến việc ương giống. Đầu năm 2019, xuất khẩu cá tra vẫn duy trì nhịp độ tốt, dự báo giá cá sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao và nhu cầu từ thị trường Trung Quốc sẽ tăng lên. Đây hứa hẹn là cơ hội lớn để Navico tăng trưởng doanh thu trong năm 2019.

Tuy nhiên, vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro và sẽ có những tác động nhất định đến nhu cầu nhập khẩu thủy sản toàn cầu; sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường thủy sản thế giới cả về giá, chất lượng

Tổng cục Thủy sản đặt mục tiêu xuất khẩu cá tra trong năm 2019 sẽ đạt kim ngạch xuất khẩu 2,4 tỷ USD

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC MỤC TIÊU – CHIẾN LƯỢC SXKD CỦA NAVICO NĂM 2019

Tiếp nối đà phát triển của năm 2018 cũng như hưởng lợi từ những thuận lợi trong bức tranh kinh tế chung, năm 2019, Ban lãnh đạo Navico đã đặt ra mục tiêu, chiến lược:

- Kế hoạch mở rộng hoạt động và đầu tư của NAVICO năm 2019 và trong tương lai:

Tích cực đi vào chất lượng của chuỗi sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng, giảm chi phí, đảm bảo được môi trường. Thúc đẩy dự án vùng nuôi sớm đi vào hoạt động nhằm hoàn thành chuỗi giá trị khép kín và nâng sản lượng xuất khẩu.

Tìm kiếm thêm các khách hàng mới kết hợp với duy trì khách hàng hiện hữu để cải thiện thị phần cũng như thúc đẩy tăng trưởng của công ty.

- Mục tiêu dài hạn: tăng năng lực sản xuất và cải thiện kỹ thuật nuôi trồng, chế biến thủy sản để có sản phẩm đạt tiêu chuẩn tốt, ổn định, giá cả hợp lý.

Chỉ tiêu kế hoạch của navico trong năm 2019



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TÌNH HÌNH KINH TẾ, NGÀNH SẢN XUẤT, XUẤT KHẨU THỦY SẢN NĂM 2018

Tình hình thế giới năm 2018 tăng trưởng chậm

- Năm 2018, kinh tế toàn cầu có nhiều biến động. Căng thẳng thương mại Mỹ - Trung bùng phát ngay trong nửa đầu năm 2018 làm đảo lộn cục diện kinh tế toàn cầu. Sóng gió trong quan hệ thương mại Mỹ - Trung ảnh hưởng tiêu cực đến đà đi lên của kinh tế thế giới.
- Về phía Mỹ, hàng hóa nhập khẩu từ Mỹ vào Trung Quốc giảm mạnh bắt đầu từ tháng 7-2018, sau khi cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc. Nền kinh tế đầu tàu thế giới, giảm tốc ngay trong những tháng cuối năm 2018, tuy nhiên vẫn duy trì được mức tăng trưởng.
- Tại châu Âu, tốc độ tăng trưởng kinh tế của châu lục này có bước chững lại trong năm 2018. Tiêu dùng cá nhân duy trì ở mức cao, tỷ lệ thất nghiệp xuống thấp là những yếu tố bảo đảm cho kinh tế châu Âu tăng trưởng trong năm tới.
- Xét về tổng thể, kinh tế Trung Quốc rơi vào tình trạng thiếu ổn định rõ rệt trong những tháng cuối năm 2018. Tuy nhiên, Trung Quốc là quốc gia được đánh giá là đã duy trì khả năng hồi phục phát triển và đã cải cách nhanh chóng. Giới chức nước này đã thực hiện một loạt các chính sách, biện pháp điều tiết nhằm giảm sự mất cân bằng kinh tế vĩ mô và hạn chế rủi ro tài chính mà không ảnh hưởng đáng kể đến tăng trưởng là quốc gia. Tính chung cả năm 2018, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Trung Quốc đạt nhịp độ tăng trưởng 6,5%.

Tăng trưởng trong nước khả quan, dần phục hồi và phát triển trở lại

- Kinh tế tăng trưởng, trong đó kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng trưởng đáng kể khi đạt mức 244 tỷ USD với các mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao như: Điện thoại và linh kiện, hàng dệt may, các sản phẩm điện tử, hàng giày dép, hàng thủy sản, gỗ,...
- Ngành thủy sản đánh dấu mức tăng trưởng 8,4% so với năm trước, trong đó ngành cá tra tăng trưởng mạnh ở mức 26,4% so với năm trước.
- Các doanh nghiệp trong nước được khuyến khích đầu tư phát triển.

Những thuận lợi điển hình cho Navico

- Đồng USD đang lên giá, kích thích việc xuất khẩu hàng hóa, cũng như gia tăng lợi nhuận từ các hợp đồng thanh toán bằng USD của doanh nghiệp.
- Nhu cầu nhập khẩu cá tra của Trung Quốc vẫn là rất lớn do giá cả của Việt Nam khá phù hợp. Navico đã tìm được đối tác nhập khẩu vào thị trường này từ đó ổn định được đầu ra cho sản phẩm. Phần lớn khách hàng Trung Quốc nhập khẩu cá tra để chế biến các món ăn nhanh trong nhà hàng, khách sạn, bếp ăn tập thể, kể cả suất ăn phục vụ các chuyến bay.

Qua 1 năm thực hiện nhiệm vụ, hoạt động công ty có những điểm nổi bật như sau:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018

Chi tiêu kế hoạch	Kế hoạch 2018 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2018 (Tỷ đồng)	Thực hiện/Kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	3.200	4.117	28,7%
Tổng lợi nhuận sau thuế	250	604	141%

Kết quả thực hiện năm 2018 cho thấy công ty đã vượt chỉ tiêu doanh thu 28,7% và lợi nhuận vượt 141% so với kế hoạch đã đề ra. Trong năm 2018, sự tăng trưởng đột biến kết quả lợi nhuận có được do những thành quả tích cực như:

- Công ty đầu tư theo chiều sâu của chuỗi giá trị: ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, cùng với việc phát triển của các thị trường. Từ đó, biên lợi nhuận của công ty được tăng cao. Thời gian tới, công ty tiếp tục triển khai nuôi cá nguyên liệu để đáp ứng được yêu cầu cá nguyên liệu cho nhà máy từ cung ứng sản lượng, an toàn, ổn định chất lượng và chi phí cạnh tranh được với giá cả thị trường.

- Các đơn hàng xuất khẩu thực hiện khá tốt và đem lại lợi nhuận cao cho công ty bằng sự phối hợp tốt giữa các bộ phận từ khâu đầu triển khai đơn hàng đến khâu cuối trong quá trình thực hiện các đơn hàng.

- Tiếp tục duy trì và cải tiến các cuộc họp phân tích, thảo luận chuyên sâu về những tồn tại và có giải pháp khắc phục nhanh, thỏa mãn tốt các yêu cầu khách hàng.

- Đội ngũ quản lý và công nhân viên tại các đơn vị ngày càng chủ động hơn trong nhiệm vụ được giao, luôn cải tiến đổi mới trong công việc..., góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nhất các chỉ tiêu được giao.

Song song đầu tư cho hoạt động sản xuất hiện tại, công ty vẫn đang tiếp tục thoái vốn tại các dự án đầu tư vào công ty liên kết hoạt động không hiệu quả.

Công tác quản lý chất lượng sản phẩm: Năm qua, Navico đã triển khai và tổ chức tốt hệ thống đảm bảo chất lượng tại hai nhà máy chủ lực là nhà máy Nam Việt và nhà máy Ấn Độ Dương, thực hiện và đảm bảo ổn định chất lượng cho các đơn hàng xuất khẩu, đáp ứng tốt chất lượng hàng xuất xưởng.

Các công tác khác

Công tác kiểm soát chi phí và tiết kiệm chi phí luôn được các đơn vị nghiệp vụ kế toán, mua hàng, sản xuất ... quan tâm và theo sát tình hình chi phí trong hoạt động thông qua phân tích ngay những nguyên nhân làm chi phí tăng cao và giải pháp khắc phục tương ứng; kiểm soát tốt công việc giao nhận, xuất nhập hàng hóa ..., góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đồng vốn trong sản xuất kinh doanh.

Trong quản lý, công ty luôn phát triển, khai thác và ứng dụng phần mềm ERP/công cụ quản lý sản xuất kinh doanh công ty, phân tích hiệu quả hoạt động và có các giải pháp phù hợp nâng cao hiệu.

Thực hiện đầy đủ các chế độ kế toán, chính sách do Nhà nước ban hành, tuân thủ các yêu cầu về chuẩn mực kế toán do nhà nước quy định, lưu trữ, sắp xếp tốt các chứng từ, hồ sơ kế toán đáp ứng nhanh các yêu cầu kiểm tra, kiểm toán của cơ quan Nhà nước.

Trách nhiệm với môi trường, xã hội, cộng đồng

Công ty đã kiểm soát và tuân thủ việc bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất theo quy định Cơ quan Nhà nước, luôn quan tâm tới thực hiện các hoạt động xã hội, cộng đồng tại địa phương.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc

- Chỉ đạo, giám sát, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Theo dõi, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Đánh giá về Ban Tổng Giám đốc công ty

- Nhờ việc chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Việt, nên công tác quản trị và điều hành Công ty có sự thống nhất trong mục tiêu tối đa hóa giá trị cho cổ đông. Trong chỉ đạo, điều hành Ban Tổng giám đốc luôn lấy hiệu quả kinh tế & lợi nhuận làm mục tiêu hành động, luôn sâu sát với công việc, có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đem lại hiệu quả cao nhất cho công ty.
- Đội ngũ lãnh đạo có tư duy tổng hợp, phân tích tìm ra những nguyên nhân yếu kém và các giải pháp cải tiến, khắc phục kịp thời những hạn chế trong điều hành, ngăn chặn thất thoát thiệt hại cho công ty.
- Gương mẫu chấp hành đầy đủ và nghiêm túc các quy định trong điều lệ Công ty, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định pháp luật
- Trong công tác điều hành, Ban Tổng giám đốc có tư duy sáng tạo, triển khai chương trình đánh giá cụ thể, chính xác năng lực từng cá nhân, tập thể, có phương án để nâng cao hiệu quả lao động, phối hợp giữa các phòng ban của Công ty.

Kết quả đạt được

Mặc dù trong năm 2018 công ty đã gặp phải rất nhiều khó khăn về cạnh tranh và thị trường, Ban giám đốc đã lãnh đạo công ty thực hiện rất tốt nhiệm vụ kinh doanh, Công ty có lợi nhuận vượt 141% chỉ tiêu đề ra.

Các mặt tồn tại cần Ban Tổng giám đốc tập trung cải tiến trong thời gian tới

- Tích cực tìm kiếm thêm các đối tác, khách hàng mới để mở rộng thị trường.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra để đáp ứng các quy chuẩn của từng quốc gia mà Công ty xuất khẩu sang.





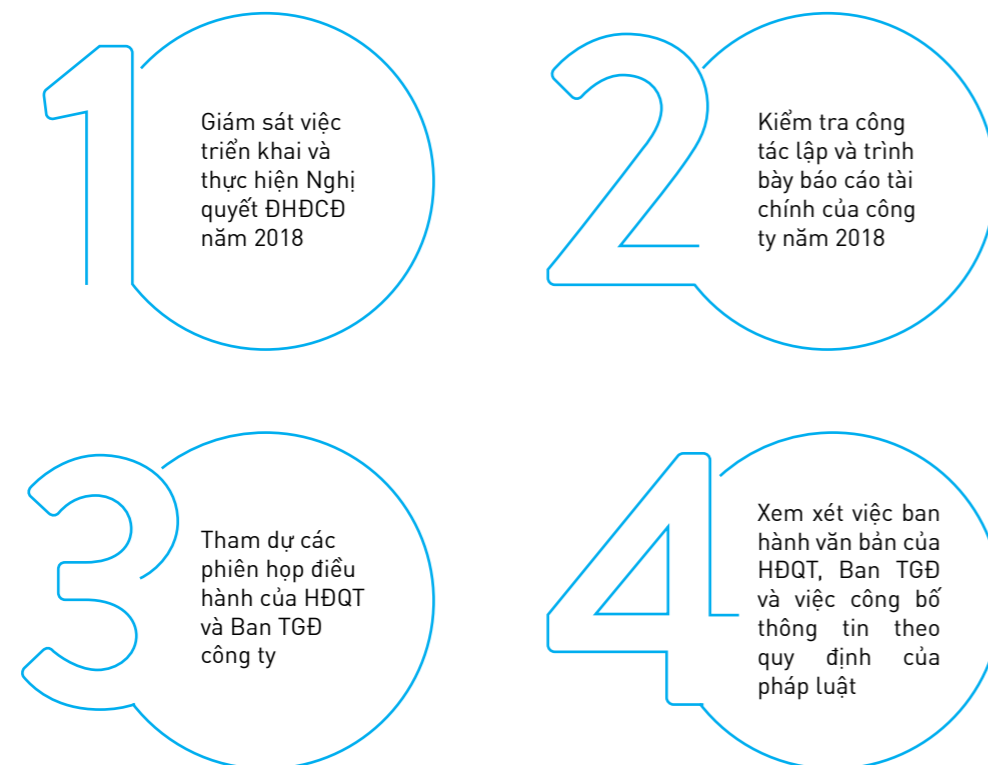
BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính thưa Quý cổ đông

Đại diện Ban kiểm soát Công Ty CP Nam Việt, tôi xin báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018

Trong năm 2018 Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc như sau:



Nhìn chung, trong năm 2018 Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Năm 2019 các thành viên Ban Kiểm soát tiếp tục kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc

Năm 2018 HĐQT tiến hành các phiên họp định kỳ theo quy định. Nghị quyết HĐQT được công bố đầy đủ, kịp thời trên trang web của công ty.

HĐQT tích cực chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018. Triển khai và thực hiện đầy đủ các nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018.

Trong năm, Công ty đã góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú với tỷ lệ góp vốn là 100% vốn điều lệ, với mục đích là nuôi cá phục vụ chế biến xuất khẩu.

Ngày 30 tháng 06 năm 2018 Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông.

Hoạt động của HĐQT và Ban điều hành công ty thực hiện đúng thẩm quyền, phù hợp quy định của pháp luật và của Điều lệ công ty.

Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên 2018

Doanh thu thuần (tỷ đồng)



Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)



Cổ tức năm



Ngày 10/11/2018 HĐQT thông qua việc triển khai phương án phát hành, quy chế phát hành và hồ sơ phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong công ty. Thời gian thực hiện từ ngày 28/11/2018 đến ngày 10/01/2019.

Tiền thù lao của HĐQT và Ban Kiểm Soát năm 2018 được thực hiện như sau:

Bộ phận	Kế hoạch 2018	Thực chi 2018
Hội Đồng Quản Trị	2 tỷ	2 tỷ
Ban kiểm soát	100 triệu	100 triệu

Ngày 12/11/2018 HĐQT thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong công ty. Thời gian thực hiện từ ngày 28/11/2018 đến ngày 10/01/2019 và đã báo cáo kết quả phát hành với UBCK Nhà nước ngày 15/01/2019.

Công ty đã đăng ký ngành nghề kinh doanh vận tải theo tờ trình đã được ĐHĐCĐ 2018 chấp thuận.

HĐQT đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018.

HĐQT và Ban điều hành công ty đã triển khai và thực hiện đầy đủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2018.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

Nhận xét chung

Trên cơ sở xem xét việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính hợp nhất của công ty.

Chúng tôi thống nhất với ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính của công ty Cổ Phần Nam Việt phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chế độ và các quy định pháp luật hiện hành.

Một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất 2018

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018

Doanh thu thuần năm 2018 là 4.118 tỷ đồng, tăng 39,6% so với cùng kỳ năm 2017. Lợi nhuận sau thuế 604 tỷ, tăng 4,19 lần so với cùng kỳ năm 2017.

Một số chỉ tiêu phân tích cơ bản

- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn 1,3 lần, phản ánh tình hình tài chính công ty đảm bảo đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.
- Hệ số vòng quay hàng tồn kho 3,6 vòng, tăng 1,2 vòng so với cùng kỳ năm trước, cho thấy doanh nghiệp tổ chức quản lý và bán hàng tốt hơn, ít bị rủi ro về hàng tồn kho hơn.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu 32,7%, cho thấy công ty đang kinh doanh có hiệu quả.
- Lãi suất cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 là 4.811 đồng, tăng 3.669 đồng so với cùng kỳ năm 2017

Doanh thu thuần
năm 2018 (tỷ đồng)

4.118

39,6%

Lợi nhuận sau thuế
(tỷ đồng)

604

4,19 lần

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
1. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,3
2. Vòng quay hàng tồn kho	vòng	3,6
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	32,7
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	Đồng	4.811

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ được giao:

- Tham gia các cuộc họp điều hành của HĐQT và Ban TGD công ty
- Được cung cấp đầy đủ những tài liệu và báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm.
- Tham gia đóng góp ý kiến vào quy trình kiểm soát nội bộ của công ty.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
Doãn Tới	Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc	56.905.000	45,51	61.905.000	48,54	Mua

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ liên quan với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty	Thời điểm giao dịch với công ty
1	Doãn Tới	Chủ tịch HĐQT	Trong năm 2018	Cho công ty vay Gia công cho công ty
2	Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Công ty con	Trong năm 2018	Mua bán thành phẩm, hàng hóa vật tư với công ty
3	Công ty Cổ phần Rau Quả Nông Trại Xanh	Công ty liên kết	Trong năm 2018	Mua bán hàng hóa vật tư với công ty
4	Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư	Trong năm 2018	Cho công ty thuê kho lạnh, cầu cảng Chuyển nhượng cổ phần của công ty DAP 2 do công ty nắm giữ
5	Công ty TNHH TMDV Navifeed	Công ty cùng chủ đầu tư	Trong năm 2018	Mua bán thức ăn thủy sản
6	Công ty TNHH MTV Nuôi trồng thủy sản Nam Việt Bình Phú	Công ty con	Trong năm 2018	Cho công ty vay

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600168736, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 10 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 9 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

- Điện thoại : (84-296) 3834060

- Fax : (84-296) 3834054

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Chế biến Thức ăn thủy sản – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, đặt tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường, cống...);
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Nuôi cá;
- Sản xuất bao bì giấy;
- In bao bì các loại;
- Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản;
- Sản xuất dầu Bio-diesel;
- Chế biến đầu cá và bột cá;
- Sản xuất keo Gentaline và Glycerin;
- Mua bán cá, thủy sản;
- Khai thác khoáng sản: Crômít, muối mỏ công nghiệp và kim loại màu (Sắt, đồng, chì, kẽm...);
- Sản xuất và mua bán phân bón;
- Bán buôn hóa chất;
- Mua bán kim loại và quặng kim loại;
- Sản xuất, chế biến và mua bán thức ăn thủy sản;
- Sản xuất và bán buôn thuốc thú y, thủy sản;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty Cổ phần Nam Việt trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Ông Doãn Chí Thanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Trần Minh Cảnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Doãn Chí Thiên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Dương Minh Phong	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Bà Lê Thị Tuyết Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Bảy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Hữu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Doãn Tới	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016
Bà Dương Thị Kim Hương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2007
Ông Nguyễn Duy Nhứt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 10 năm 2008
Ông Đỗ Lập Nghiệp	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 8 năm 2011

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Doãn Tới - Chủ tịch Hội đồng quản trị [tái bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2016].

Ông Doãn Tới đã ủy quyền cho Ông Nguyễn Duy Nhứt ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy ủy quyền số 138/GUQ-KTTC ngày 02 tháng 01 năm 2019.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Tập đoàn.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Chủ tịch

Ngày 12 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO TÀI CHÍNH BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC - CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

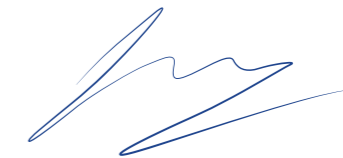
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1
TP. Hồ Chí Minh, Ngày 12 tháng 03 năm 2019



Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2018-008-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.090.119.522.506	1.317.061.126.495
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	69.153.027.332	25.901.681.098
1. Tiền	111		32.153.027.332	25.901.681.098
2. Các khoản tương đương tiền	112		37.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		451.530.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	451.530.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		569.193.598.874	383.435.171.495
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	567.364.514.009	430.413.531.906
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.148.455.484	8.472.312.504
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	1.474.674.900	9.336.378.107
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	37.260.100.940	24.380.344.061
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(42.054.146.459)	(89.167.395.083)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	962.242.374.932	873.818.902.160
1. Hàng tồn kho	141	V.8	969.279.675.742	887.129.231.895
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.037.300.810)	(13.310.329.735)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.000.521.368	33.905.371.742
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	7.124.497.387	9.845.717.118
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.876.023.981	24.059.654.624
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.334.949.106.216	1.385.253.645.302
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.699.216.376	252.862.460.778
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	246.750.000.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	184.400.000	26.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.514.816.376	7.175.460.778
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	-	(1.089.000.000)
II. Tài sản cố định	220		548.862.194.044	518.591.662.283
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	209.960.804.297	197.284.981.385
- Nguyên giá	222		1.079.663.726.573	986.815.165.173
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(869.702.922.276)	(789.530.183.788)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	41.802.062.279	78.041.134.502
- Nguyên giá	225		61.524.816.469	108.366.446.670
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(19.722.754.190)	(30.325.312.168)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	297.099.327.468	243.265.546.396
- Nguyên giá	228		307.057.868.452	250.503.910.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.958.540.984)	(7.238.364.056)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		392.882.356.500	66.176.144.368
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	392.882.356.500	66.176.144.368
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		325.561.271.441	477.905.690.150
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	9.695.489	2.041.276.183
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	155.304.000.000	166.304.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(8.652.424.048)	(18.739.586.033)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	178.900.000.000	328.300.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		62.944.067.855	69.717.687.723
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	62.719.067.855	69.182.937.723
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	225.000.000	534.750.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đơn vị tính: VND

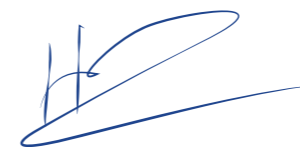
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,425,068,628,722	2,702,314,771,797
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1,577,085,927,965	1,308,352,616,500
I. Nợ ngắn hạn	310		1,567,561,565,110	232,274,555,975
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	118.846.359.054	99.773.110.619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	14.213.183.620	16.163.545.710
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	85.163.238.533	24.178.765.781
4. Phải trả người lao động	314	V.18	62.684.030.700	49.981.226.561
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	20.479.243.178	7.375.465.170
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		488.244.634	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	13.999.006.461	8.979.495.672
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1.251.131.279.625	1.025.231.967.157
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	556.979.305	590.979.305
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9,524,362,855	76,078,060,525
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	9.524.362.855	76.078.060.525
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.847.982.700.757	1.393.962.155.297
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.847.982.700.757	1.393.962.155.297
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	1.250.446.250.000	1.250.446.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.446.250.000	1.250.446.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	21.519.209.100	21.519.209.100
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.23	[27.417.629.848]	[27.417.629.848]
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	603.434.871.505	153.314.011.705
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.434.161.705	153.314.011.705
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		600.000.709.800	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	-	[3.899.685.660]
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.425.068.628.722	2.702.314.771.797

An Giang, ngày 26 tháng 02 năm 2019



Nguyễn Trọng Hữu
Người lập biểu



Huỳnh Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.136.199.051.328	2.962.439.024.515
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	18.209.658.123	13.298.465.255
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4.117.989.393.205	2.949.140.559.260
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	3.255.566.716.712	2.516.690.402.944
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		862.422.676.493	432.450.156.316
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	73.915.010.635	19.624.551.613
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	75.219.735.247	63.841.930.045
Trong đó: chi phí lãi vay	23		45.918.386.754	56.834.291.215
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	(2.031.580.694)	(4.757.207.505)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	160.835.971.165	145.839.451.266
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	8.659.023.070	39.379.588.561
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		689.591.376.952	198.256.530.552
12. Thu nhập khác	31	VI.8	1.747.893.475	2.694.196.930
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.189.704.973	34.344.473.534
14. Lợi nhuận khác	40		558.188.502	(31.650.276.604)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		690.149.565.454	166.606.253.948
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	85.672.411.156	23.141.831.981
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	309.750.000	(534.750.000)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		604.167.404.298	143.999.171.967
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		600.000.709.800	142.366.561.532
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.166.694.498	1.632.610.435
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	4.811	1.142
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	4.811	1.142

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN
TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		690.149.565.454	166.606.253.948
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	80.052.320.607	80.285.483.388
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8	(50.377.111.317)	(784.281.758)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	4.516.173.526	(229.013.154)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2, VI.4, VI.8	(56.118.081.999)	(5.283.675.555)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	45.918.386.754	56.834.291.215
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		714.141.253.025	297.429.058.084
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		113.328.819.984	342.128.002.043
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(82.150.443.847)	308.228.897.258
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		32.223.069.985	(137.516.300.675)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		9.185.089.599	7.777.955.089
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(39.861.654.067)	(57.321.774.657)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(25.501.580.859)	(14.778.030.812)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(334.000.000)	(213.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		721.030.553.820	745.734.806.330

An Giang, ngày 24 tháng 02 năm 2019


Nguyễn Trọng Hữu
Người lập biểu

Huỳnh Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

					Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước		
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12, V.13, VII	(432.389.805.432)	(55.854.873.338)		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VI.8	1.151.818.182	2.949.178.452		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2, V5	(904.815.000.000)	(352.790.000.000)		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2, V5	610.388.303.207	24.630.000.000		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	I.6, VI.4	9.613.102.331	-		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	31.190.144.774	5.601.305.381		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(684.861.436.938)	(375.464.389.505)		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-		
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-		
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	3.809.930.022.758	3.387.762.606.581		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(3.631.850.383.372)	(3.636.945.273.110)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.21	(21.516.730.468)	(33.206.612.575)		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.23	(149.438.159.600)	(83.763.543.191)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.124.749.318	(366.152.822.295)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		43.293.866.200	4.117.594.530		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	25.901.681.098	21.796.050.462		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(42.519.966)	(11.963.894)		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	69.153.027.332	25.901.681.098		



Nguyễn Trọng Hữu
Người lập biểu



Huỳnh Thị Kim Thoa
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc





19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý,
Thành phố Long Xuyên, An Giang



[0296] 834 065 - [0296] 834 060



www.navicorp.com.vn